

CHI HỘI HỮU NGHỊ  
VIỆT NAM - LB NGA ĐHQGHN

KHOA QUỐC TẾ  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HỘI THẢO QUỐC TẾ  
**“70 NĂM HỢP TÁC VIỆT - NGA  
VỀ GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC”**

**Международная конференция  
«70-летие вьетнамско-российских отношений  
в области науки и образования»**

**HÀ NỘI, 2020**



**ĐƠN VỊ TỔ CHỨC HỘI THẢO:  
CHI HỘI HỮU NGHỊ VIỆT-NGA ĐHQGHN  
VÀ KHOA QUỐC TẾ, ĐHQGHN**

**CHỦ ĐỀ CHÍNH CỦA HỘI THẢO**

- Lịch sử quan hệ Việt – Nga;
- Giảng dạy tiếng Nga cho người Việt và tiếng Việt cho người Nga;
- Dịch thuật tiếng Nga;
- Hợp tác về văn hóa, nghiên cứu khoa học và đào tạo giữa Việt Nam, CHLB Nga và các nước nói tiếng Nga.

**BAN TỔ CHỨC**

**CHI HỘI HỮU NGHỊ  
VIỆT NAM – LB NGA ĐHQGHN**

1. GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức, Chủ tịch Chi hội HNVN ĐHQGHN, Trưởng Ban Đào tạo ĐHQGHN – Trưởng Ban tổ chức
2. GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Chủ tịch Hội đồng KH và ĐT Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN, nguyên Hiệu trưởng sáng lập Trường ĐH Giáo dục – Phó Trưởng Ban tổ chức
3. GS.TS. Trung tướng, Nguyễn Xuân Yêm, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học quản lý và Quản trị An ninh phi truyền thống, ĐHQGHN,

**KHOA QUỐC TẾ - ĐHQGHN**

1. PGS.TS. Lê Trung Thành, Chủ nhiệm Khoa - Đồng Trưởng Ban tổ chức
2. TS. Trần Anh Hào, Phó Chủ nhiệm Khoa - Phó Trưởng Ban tổ chức
3. PGS.TSKH. Nguyễn Tuyết Minh - Cố vấn chuyên môn, Phòng đọc Thế giới Nga tại Hà Nội - Phó Trưởng Ban tổ chức

Nguyên Giám đốc Học viện  
Cảnh sát Nhân dân – Phó  
Trưởng Ban tổ chức

4. GS.TS. Phạm Quang Minh, Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH và NV, ĐHQGHN
5. PGS. TS. Trần Quốc Bình – Trưởng phòng KHCN, Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN
6. TS. Lê Quang Minh – Viện Công nghệ Thông tin, ĐHQGHN
7. TS. Bùi Chí Trung – Trung tâm Báo chí, Trường ĐH KHXH và NV, ĐHQGHN
8. TS. Cần Thị Thanh Hương, Ban Đào tạo, ĐHQGHN - Thư ký
4. TS. Mai Nguyễn Tuyết Hoa – Phụ trách Phòng đọc Thế giới Nga tại Hà Nội
5. Ông Nguyễn Phan Quang, Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính
6. Bà Nguyễn Thị Tân, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính
7. Bà Đặng Thị Thuỳ Diễm, Phòng KHCN&HTPT – Thư ký

## MỤC LỤC

<b>BAN TỔ CHỨC</b> .....	3
<b>Chương trình Hội thảo “70 năm hợp tác Việt – Nga về giáo dục và khoa học”</b> .....	9
<b>BÁO CÁO TẠI PHIÊN TOÀN THỂ</b> .....	20
B1. O двух крупных проектах сотрудничества между СРВ и СССР/РФ в области образования и науки за 70 лет .....	21
B2. Сотрудничество ДВФУ с организациями Социалистической Республики Вьетнам .....	23
B3. Hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học về An ninh – Quốc phòng với Liên Xô và Liên bang Nga trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa .....	30
B4. Trường phái Việt Nam học St. Petersburg (Leningrad) trong lịch sử nghiên cứu Việt Nam.....	31
<b>TIỂU BAN 1. LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỮU NGHỊ VIỆT NAM – LIÊN BANG NGA 1950 - 2020</b> .....	32
▪ Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga: Những đặc điểm nổi bật .....	33
▪ Vai trò của mô hình Xô Viết trong quá trình hiện đại hóa nền giáo dục đại học Việt Nam .....	34
▪ Việt Nam - Liên bang Nga: 70 năm quan hệ ngoại giao, hơn 60 năm hợp tác về KH&CN.....	35
▪ Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Giáo dục - Đào tạo và Khoa học – Kỹ thuật những năm 1975 -1991 .....	35
▪ История изучения Вьетнама в Санкт-Петербурге/Ленинграде/Санкт-Петербурге .....	36
▪ Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Khoa học – Kỹ thuật những năm 1954-1975 .....	36
▪ Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về giáo dục những năm 1965-1975.....	37
▪ Việt Nam – Liên bang Nga – 70 năm những dấu mốc lịch sử và vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy mối quan hệ ASEAN – Liên bang Nga .....	38
▪ Một số hợp tác Nga - Việt nổi bật trong lĩnh vực khoa học tự nhiên .....	39
▪ Hợp tác giáo dục Việt – Nga qua những tư liệu của đoàn cán bộ khoa học đầu tiên sang Liên Xô học tập năm 1951.....	40
▪ Hợp tác Việt - Nga: Lịch sử và triển vọng .....	42
▪ Работа «Хо Ши Мин. Биография» - ценный документ в духовном наследии Хо Ши Мина.....	42

- Lịch sử hình thành và phát triển quan hệ hợp tác Việt - Nga trong khai thác dầu khí ở vùng biển Việt Nam ..... 45
- Quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (1950 - 1975) ..... 46

## **TIỂU BAN 2: GIẢNG DẠY TIẾNG NGA CHO SINH VIÊN VIỆT NAM VÀ TIẾNG VIỆT**

### **CHO SINH VIÊN NGA; DỊCH THUẬT NGA – VIỆT, VIỆT – NGA. .... 47**

- Дистанционное обучение русскому языку как иностранному в условиях пандемии коронавируса в ВУЗах Вьетнама ..... 48
- Достоинства и недостатки использования приложения Zoom в обучении письменной речи на начальном уровне ..... 49
- Русская литература в академическом пространстве во Вьетнаме: Обзор заметных монографий ..... 50
- Универсальная модель разработки системы упражнений для обучения устному последовательному переводу Вьетнамских студентов-филологов ..... 51
- Văn học Nga trong nhà trường phổ thông ..... 52
- Uyển ngữ xét từ góc độ lịch sử và cấu tạo ..... 52
- Применение информационных технологий в процессе обучения русскому языку ..... 53
- Nhân vật Raskolnikov (*Tội Ác và Hình Phạt* – F.Dostoievsky) và nhân vật Rastignac (*Lão Goriot* – H.Balzac) từ góc nhìn so sánh loại hình ..... 54
- Безличные существительные предикативы в современном русском языке и их передача на вьетнамский язык ..... 55
- Kiểu nhân vật “Con Rối” trong văn xuôi M.Lermontov ..... 56
- Biểu tượng “Vườn” trong truyện ngắn A.Chekhov ..... 57
- Sự gặp gỡ giữa Tachiana (*Evgheni Oneghin* - A.Pushkin) và Thúy Kiều (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du) ..... 58
- Kí hiệu không gian trong tập truyện Peterburg của N.V.Gogol ..... 59
- Методика использования коротких стихотворных форм в преподавании РКИ на начальном этапе ..... 59
- Lời thơ của những bài hát tiếng Nga ..... 60
- «Тюремный дневник» Хо Ши Мина ..... 61
- Преподавание вьетнамского языка в России: традиции и новые вызовы ..... 61
- Thực trạng học tiếng Nga tại Học viện An ninh nhân dân - khó khăn và giải pháp ..... 62
- Giảng dạy tiếng Nga cho người Việt ..... 63

- Пути сохранения родной культуры и языка вьетнамского сообщества в городе Казани - РФ ..... 64
- Основные значения глаголов с префиксами ЗА-, ПО-, РАЗ- в сопоставлении с соответствующими глаголами с постфиксами с постфиксами -ĐI, -LÊN, -RA в русском и вьетнамском языках ..... 65
- Соответствие оригинального и переводного названия фильма его содержанию ..... 66
- Từ công việc của quỹ “Hỗ trợ quảng bá văn học Việt Nam – văn học Nga” thêm đôi lời về bức tranh dịch văn học Nga ở Việt Nam trong thời gian qua ..... 67
- Приставка ПРО- и постфикс СЯ- в образовании производных значений русских глаголов ... 68
- NGA HỌC VÀ NGA NGỮ HỌC Việt Nam..... 69

**TIỂU BAN 3. HỢP TÁC GIÁO DỤC VÀ NGHIÊN CỨU GIỮA HAI NƯỚC..... 72**

- Россия дает мне возможность поехать в мир с новым знанием времени..... 73
- Сотрудничество Международного института – ВГУ с ВУЗами России ..... 74
- Sự đa dạng mô hình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa Trường ĐHKT Lê Quý Đôn và một số trường đại học của LB Nga ..... 75
- Опыт сотрудничества Национального исследовательского университета «МЭИ» с вузами и организациями Вьетнама ..... 76
- Chính sách “Hướng Đông” của Liên bang Nga và tác động đến quan hệ Việt – Nga hiện nay.... 76
- Hợp tác Việt - Nga trong nghiên cứu khoa học: lĩnh vực khảo cổ học ..... 77
- Подготовка кадрового резерва в области бухгалтерского учета и аудита в контексте международной экономической интеграции ..... 78
- Аналитическая записка: Сотрудничество и развитие в области образования между Вьетнамом и Россией ..... 79
- Hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự giữa Việt Nam và Liên bang Nga – Một số kinh nghiệm của Học viện Cảnh sát Nhân dân..... 80
- Một số vấn đề về hợp tác đào tạo báo chí Việt Nam - Liên bang Nga ..... 81
- Анализ качества высшего образования в России и других странах бывшего союза на основе оценки мнения вьетнамских студентов ..... 82
- Các nhà Việt Nam học người Nga và những đóng góp của họ cho sự phát triển quan hệ hợp tác Nga – Việt ..... 83
- Первый опыт вьетнамско-русского сотрудничества в составлении учебника для краткосрочного обучения русскому языку вне языковой среды. .... 84

- Научное сотрудничество в области документирования языков и этнолингвистики при поддержке Российского гуманитарного научного фонда, Российского фонда фундаментальных исследований и Вьетнамской академии общественных наук ..... 85
- Sự phát triển của cộng đồng du học sinh Việt Nam tại Trường Đại học Tổng hợp hữu nghị các dân tộc Nga..... 86
- Nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực pháp luật giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ thực tiễn Bộ Công an..... 87
- Đến với ẩm thực Việt bằng tiếng Nga qua mạng xã hội ..... 88
- Nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của lưu học sinh Bộ Công an Việt Nam tại các cơ sở giáo dục đào tạo Liên bang Nga ..... 89



## CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO “70 NĂM HỢP TÁC VIỆT – NGA VỀ GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC”

**Thời gian:** 08h00 – 17h30 ngày 19 tháng 10 năm 2020

**Địa điểm:** Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
<b><i>PHIÊN TOÀN THỂ - KHAI MẠC HỘI NGHỊ</i></b> <b>Thời gian:</b> 09h00 – 11h30 ngày 19 tháng 10 năm 2020 <b>Địa điểm:</b> P. 203, Nhà Điều hành, Đại học Quốc gia Hà Nội.	
08:00 – 09:00	Đăng ký đại biểu
09:00 – 09:05	MC: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
09:05 – 09:12	Phát biểu khai mạc của Trưởng Ban Tổ chức - GS. TSKH. Nguyễn Đình Đức, Chủ tịch Chi hội Hữu nghị Việt Nam – LB Nga ĐHQGHN
09:12 – 09:20	Phát biểu chào mừng của Bà Nguyễn Phương Nga – Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
09:20 – 09:23	Clip phát biểu chào mừng của Ông Kochin V.V.- Giám đốc điều hành Quỹ Thế giới Nga, trực thuộc Tổng thống LB Nga
09:23 – 09:30	Phát biểu chào mừng của Phó Đại sứ/Công sứ Đại sứ quán LB Nga tại Việt Nam
09:30 – 09:40	Trao tặng Huy chương Hữu nghị của Trung ương Hội Hữu nghị Liên bang Nga – Việt Nam cho PGS. TS. Nguyễn Kim Sơn, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
	Trao tặng Bằng khen của Đại sứ quán LB Nga cho Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
09:40 – 09:50	Phát biểu chào mừng và đáp lời của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.
09:50 – 09:55	Clip phát biểu chào mừng của Giám đốc Đại học Tổng hợp Liên bang Viễn Đông (FEFU)
09:55 – 10:00	Clip phát biểu chào mừng của Giám đốc Đại học Năng lượng Mát-xcơ-va, LB Nga
<b>10:00 – 10:15</b>	<b>Giải lao Sảnh tầng 2</b>
<p><b>PHIÊN TOÀN THỂ</b></p> <p><b>Địa điểm: Phòng 203 Nhà Điều hành, ĐHQGHN</b></p> <p><i>Chủ trì: GS. TSKH. Nguyễn Đình Đức và GS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc</i></p>	
10:15 – 10:30	Báo cáo PGS. TSKH. Nguyễn Tuyết Minh, Nguyên Phó Chủ nhiệm Khoa Tiếng Nga, Trường ĐH Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, tác giả bộ Đại từ điển Việt - Nga, Huy chương Puskin
10:30 – 10:45	Báo cáo của TS. Vlasov Evgenhiy, Hiệu phó phụ trách Hợp tác quốc tế, Đại học Tổng hợp Liên bang Viễn đông (FEFU)
10:45 – 11:00	Báo cáo của Trung tướng, GS.TS. Nguyễn Xuân Yên, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học quản lý và Quản trị An ninh phi truyền thống, ĐHQGHN, Nguyên Giám đốc Học viện Cảnh sát Nhân dân
11:00 – 11:15	Báo cáo của GS. TSKH. Kolotov V. N. Giám đốc Viện Hồ Chí Minh, Trưởng bộ môn Lịch sử các

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
	nước Viễn Đông, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia St. Petersburg, Liên bang Nga
11:15 – 11:20	Clip chào mừng của đại diện Đại học Hàng không Moskva MAI, LB Nga
11:20 – 11:30	Chụp ảnh kỷ niệm ở phòng 203 và tại sảnh tầng 1
11:30 – 13:00	<i>Ăn trưa (Phòng 901)</i>

## BÁO CÁO THAM LUẬN TẠI CÁC TIỂU BAN

<b>TIỂU BAN 1: Lịch sử xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị Việt Nam – Liên bang Nga 1950 – 2020</b> <b>Địa điểm: P902 Nhà Điều hành ĐHQGHN</b>	
	<p><b>Chủ trì: GS. TSKH. Vũ Minh Giang và PGS. TS. Trần Quốc Bình</b></p>
13:30 – 13:45	<p><i>Việt Nam - Liên bang Nga: 70 năm quan hệ ngoại giao, hơn 60 năm hợp tác về KH&amp;CN. <b>TS. Trần Việt Thanh</b>, nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</i></p>
13:45 – 14:00	<p><i>Vai trò của mô hình Xô Viết trong quá trình hiện đại hóa nền giáo dục đại học Việt Nam. <b>Nguyễn Mậu Hùng</b>.</i></p>
14:00 – 14:15	<p><i>Ảnh hưởng của trường phái Xô-viết trong Nhân học ở Việt Nam. <b>Nguyễn Văn Sửu, Lâm Mỹ Dung, Vương Xuân Tình, Đinh Thị Thanh Huyền</b>.</i></p>
14:15 – 14:30	<p><i>Hợp tác giáo dục Việt – Nga qua những tư liệu của đoàn cán bộ khoa học đầu tiên sang Liên Xô học tập năm 1951. <b>Trần Bích Hạnh, Nguyễn Thanh Hóa</b>.</i></p>
14:30 – 14:45	<p><i>Nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực pháp luật giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ thực tiễn bộ công an. <b>Nguyễn Thị Ngọc Yến, Phạm Đức Chính</b>.</i></p>

14:45 – 15:00	<i>Quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (1950 - 1975). Lê Văn Thịnh.</i>
15:00 – 15:15	<b>Nghỉ giải lao</b>
15:15 – 15:30	<b>Chủ trì: GS. TS. Phạm Quang Minh và TS. Mai Nguyễn Tuyết Hoa</b> <i>Một số hợp tác Nga-Việt nổi bật trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. Trần Đại Lâm</i>
15:30 – 15:45	<i>Научное сотрудничество в области документирования языков и этнолингвистики при поддержке Российского гуманитарного научного фонда, Российского фонда фундаментальных исследований и Вьетнамской академии общественных наук, Краевская Н. М., Самарина И. В. (online)</i>
15:45 – 16:00	<i>Основные направления культурного сотрудничества между Вьетнамом и Россией. Буй Минь Туан, Дам Кюнь Ань</i>
16:00 – 16:15	<i>Các nhà Việt Nam học người Nga và những đóng góp của họ cho sự phát triển quan hệ hợp tác Nga – Việt. Lưu Thị Nam Hà, Trịnh Thị Kim Ngọc</i>
16:15 – 16:30	<i>Sự phát triển của cộng đồng du học sinh Việt Nam tại Trường Đại học Tổng hợp hữu nghị các dân tộc Nga. Trần Phi Long.</i>
16:30 – 16:45	<i>Tôi chọn dịch thơ theo cách của mình. Tạ Phương.</i>
<b>TIỂU BAN 2: Giảng dạy tiếng Nga cho sinh viên Việt Nam và tiếng Việt cho sinh viên Nga; Dịch thuật Nga – Việt, Việt – Nga. Địa điểm: P202 Nhà Điều hành, ĐHQGHN</b>	

	<b>Chủ trì:</b> PGS. TSKH. Nguyễn Tuyết Minh và TS. Nguyễn Thị Thu Đạt
13:30 – 13:45	<i>Từ công việc của quỹ “Hỗ trợ quảng bá văn học Việt Nam – văn học Nga” thêm đôi lời về bức tranh dịch văn học Nga ở Việt Nam trong thời gian qua.</i> <b>Hoàng Thúy Toàn</b>
13:45 – 14:00	<i>Преподавание вьетнамского языка в России: традиции и новые вызовы.</i> <b>Зубцова Е.Р. (online)</b>
14:00 – 14:15	<i>Русская литература в академическом пространстве во Вьетнаме: Обзор заметных монографий.</i> <b>Нгуен Тху Тху Тхуй</b>
14:15 – 14:30	<i>Uyển ngữ xét từ góc độ lịch sử và cấu tạo.</i> <b>Nguyễn Văn Chiến</b>
14:30 – 14:45	<i>Методика использования коротких стихотворных форм в преподавании РКИ на начальном этапе.</i> <b>Литовченко Т.А. (online)</b>
14:45 – 15:00	<i>Giảng dạy tiếng Nga cho người Việt.</i> <b>Nguyễn Ngọc Hùng</b>
15:00 – 15:15	<b>Nghỉ giải lao</b>
	<b>Chủ trì:</b> TS. Nguyễn Thị Thu Đạt và dịch giả Hoàng Thúy Toàn
15:30 – 15:45	<i>«Тюремный дневник» Хо Ши Мина.</i> <b>Андреева И. И. (online)</b>

<p>15:45 – 16:00</p>	<p><i>Lời thơ của những bài hát tiếng Nga. Nguyễn Hải Thanh</i></p>
<p>16:00 – 16:15</p>	<p><i>NGA HỌC và NGA NGỮ HỌC Việt Nam. Bùi Hiền</i></p>
<p>16:15 – 16:30</p>	<p><i>Kiểu nhân vật “Con Rối” trong văn xuôi M.Lermontov. TS. Trần Thúy Hoàn, TS. Lê Thị Thu Hiền.</i></p>
<p>16:30 – 16:45</p>	<p><i>Пути сохранения родной культуры и языка вьетнамского сообщества в городе Казани – РФ. Чан Куанг Куи, Нгуен Тхи Ньи Нгует, Нгуен Фам Нгует Линь, Чан Тхи Хонг Хань</i></p>
<p><b>TIỂU BAN 3. Hợp tác giáo dục và nghiên cứu giữa hai nước</b> <b>P.203 Nhà Điều hành, ĐHQGHN</b></p>	
	<p><b>Chủ trì: GS. TSKH. Nguyễn Đình Đức và TS. Lê Quang Minh</b></p>
<p>13:30 – 13:45</p>	<p><i>Сотрудничество Международного института – ВГУ с ВУЗами России. Май Нгуен Тует Хоа</i></p>
<p>13:45 – 14:00</p>	<p><i>Опыт сотрудничества Национального исследовательского университета «МЭИ» с вузами и организациями Вьетнама. Тарасов А. Е., Ширинский С. В., Гуличева Е. Г. (online)</i></p>
<p>14:15 – 14:30</p>	<p><i>Một số vấn đề về hợp tác đào tạo báo chí Việt Nam - Liên bang Nga. Nguyễn Minh Tuấn</i></p>

14.30 – 14.45	<i>Nước Nga đã cho tôi cơ hội bước ra thế giới với tri thức mới của thời đại. <b>Doãn Hồng Nhung, Vũ Văn Thanh.</b></i>
14:45 – 15:00	<i>Chính sách “Hướng Đông” của Liên bang Nga và tác động đến quan hệ Việt – Nga hiện nay. <b>Nguyễn Văn Tuấn (online)</b></i>
15:00 – 15:15	<b>Nghỉ giải lao</b>
	<b>Chủ trì: Nhà giáo ưu tú Vũ Thế Khôi và TS. Ngô Thị Minh Thu</b>
15:15 – 15:30	<i>Первый опыт вьетнамско-русского сотрудничества в составлении учебника для краткосрочного обучения русскому языку вне языковой среды. <b>Ву Тхе Кхой</b></i>
15:30 – 15:45	<i>Hợp tác Việt - Nga trong nghiên cứu khoa học: lĩnh vực khảo cổ học, <b>Thân Thị Hằng</b></i>
15:45 – 16:00	<i>Подготовка кадрового резерва в области бухгалтерского учета и аудита в контексте международной экономической интеграции. <b>То Тхи Тууеи Кхань (online)</b></i>
16:00 – 16:15	<i>Анализ качества высшего образования в России и других странах бывшего союза на основе оценки мнения вьетнамских студентов. <b>До Хыонг Куен</b></i>
16:15 – 16:30	<i>Аналитическая записка: Сотрудничество и развитие в области образования между Вьетнамом и Россией . <b>Во Тхи Ту Ань (online)</b></i>



16:30-16:45

*Sự đa dạng mô hình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa Trường ĐHKHT Lê Quý Đôn và một số trường đại học của LB Nga. Hà Mạnh Thắng, Trần Nguyễn Ngọc, Lutin S. A.*

### CÁC BÁO CÁO POSTER ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI HỘI THẢO TẠI SẢNH TẦNG 2 NHÀ ĐIỀU HÀNH ĐHQGHN

1. *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga: Những đặc điểm nổi bật. Đoàn Thị Minh Oanh.*
2. *Основные значения глаголов с префиксами ЗА-, ПО-, РАЗ- в сопоставлении с соответствующими глаголами с постфиксами с постфиксами -ДИ, -ЛЕН, -РА в русском и вьетнамском языках. Nguyễn Thị Tâm*
3. *Việt Nam – Liên bang Nga – 70 năm những dấu mốc lịch sử và vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy mối quan hệ Asean – Liên bang Nga. Hoàng Thùy Linh.*
4. *Приставка ПРО- и постфикс СЯ- в образовании производных значений русских глаголов. Зыонг Чан Хыонг Тхао*
5. *Дистанционное обучение русскому языку как иностранному в условиях пандемии коронавируса в ВУЗах Вьетнама. Нгуен Тхи Ким Ань.*
6. *Безличные существительные предикативы в современном русском языке и их передача на вьетнамский язык. Нгуен Тхи Тхань Ха*
7. *Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Giáo dục - Đào tạo và Khoa học – Kỹ thuật những năm 1975 -1991. Nguyễn Thị Mai Hoa.*
8. *Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Khoa học – Kỹ thuật những năm 1954-1975. Võ Anh Duy.*

9. *Работа «Хо Ши Мин. Биография» - ценный документ в духовном наследии Хо Ши Мина. **Нгуен Суан Хоа.***
10. *Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về giáo dục những năm 1965-1975. **Võ Duy Tùng.***
11. *Lịch sử hình thành và phát triển quan hệ hợp tác Việt - Nga trong khai thác dầu khí ở vùng biển Việt Nam. **Nguyễn Mai Phương.***
12. *Thực trạng học tiếng Nga tại Học viện An ninh nhân dân - khó khăn và giải pháp. **Nguyễn Thị Hà Đông.***
13. *Соответствия оригинального и переводного заглавия фильмов. **Nguyễn Thị Hương Lan.***
14. *Применение информационных технологий в процессе обучения русскому языку. **Ngô Thị Quyên***
15. *Универсальная модель разработки системы упражнений для обучения устному последовательному переводу Вьетнамских студентов-филологов. **Бу Нгок Винь, Фам Куанг Лан***
16. *Hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự giữa Việt Nam và Liên bang Nga – Một số kinh nghiệm của Học viện Cảnh sát Nhân dân. **Phùng Ngọc Hải, Vũ Thùy Linh***
17. *Hoạt động thực tập cuối khóa của sinh viên chuyên ngành kỹ thuật do học viện cảnh sát nhân dân đào tạo và sinh viên gửi đào tạo tại Liên bang Nga. **Lê Văn Ngãi***
18. *Достоинства и недостатки использования приложения Zoot в обучении письменной речи на начальном уровне. **Нгуен Тхи Ньи Нгуен***
19. *Văn học Nga trong nhà trường phổ thông. **Thành Đức Hồng Hà***
20. *Hợp Tác Việt - Nga: Lịch sử và triển vọng. **Đỗ Thị Hiện***
21. *Đến với âm thực Việt bằng tiếng Nga qua mạng xã hội, **Đinh Thị Thu Huyền.***

22. *Nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của lưu học sinh Bộ Công an Việt Nam tại các cơ sở giáo dục đào tạo Liên bang Nga, Vương Thăng Long.*
23. *Nhân vật Raskolnikov (Tội Ác và Hình Phạt - F.Dostoievsky) và nhân vật Rastignac (lão Goriot – H.Balzac) từ góc nhìn so sánh loại hình. Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Phúc An*
24. *Biểu tượng “Vườn” trong truyện ngắn A.Chekhov. Lê Thị Thu Hiền, Lê Thị Thu Phương, Đỗ Mạnh Dũng*
25. *Sự gặp gỡ giữa Tachiana (Evgheni Oneghin – A.Pushkin) và Thúy Kiều (Truyện Kiều – Nguyễn Du). Lê Thị Thu Hiền, Lê Thị Bích Ngọc, Hà Thị Diệu Thùy, Nguyễn Thùy Dung*
26. *Kí hiệu không gian trong tập truyện Peterburg của N.V.Gogol. Lê Thị Thu Hiền, Đinh Thị Thúy, Ngô Thị Minh Nguyệt*

17:00 - 17:30

**Tổng kết, Bế mạc và chụp ảnh kỷ niệm** (phòng 203)

**BÁO CÁO TẠI PHIÊN TOÀN THỂ**

## **V1.0 двух крупных проектах сотрудничества между СРВ и СССР/РФ в области образования и науки за 70 лет**

*Д.Ф.Н., Доцент Нгуен Туен Минь  
Научный консультант Русского центра, Ханой*

### *Аннотация*

***I. Создание учебного комплекса для языковых факультетов ВУзов СРВ (1982г – 1990г) совместным вьетнамско-российским авторским коллективом, реализованного в Институте русского языка им А.С. Пушкина, изд. «Русский язык» Москва.***

Учебный комплекс предназначен для обеспечения учебного процесса на всех трех этапах обучения: базисном (I и II курсы), продвинутом (III курс) и завершающем (IV и V курсы). Он имеет следующую структуру: Учебники русского языка для языковых факультетов вузов СРВ для I, II, III, IV – V курсов, каждый из которых состоит из «Книги для студента» и «Книги для преподавателя»; прилагаемые ко всем четырем учебникам пособия «Сопроводительный курс фонетики»; прилагаемые к учебникам для III и IV – V курсов пособия «Книга для чтения».

В учебном комплексе реализованы ведущие принципы современной методики преподавания русского языка иностранцам: активной коммуникативности, учета национальных особенностей адресата, профессиональной ориентации обучения и страноведческой насыщенности учебных материалов.

### ***II. Составление Большого вьетнамско-русского словаря***

Новый Большой вьетнамско-русский словарь (БВРС) - один из важных проектов научного сотрудничества Российской академии наук (РАН) с Вьетнамской академией общественных

наук (ВАОН), осуществленный коллективом российских и вьетнамских ученых. Впервые во вьетнамской и российской лексикографии создан большой двуязычный словарь, который охватывает почти всю лексику основного словарного фонда современного литературного вьетнамского языка. В новом БВРС представлен синтез разных научных традиций, различных подходов к осмыслению явлений вьетнамского языка.

Работа над словарем была выполнена при поддержке гранта Российского гуманитарного научного фонда (РГНФ) и ВАОН. Издание словаря также осуществлено при финансовой поддержке РГНФ.

Новый БВРС представляет собой новый тип двуязычного словаря, который соответствует требованиям современной мировой лексикографии. С одной стороны, это академический словарь, характеризующийся полнотой и глубиной семантического описания лексики вьетнамского языка; с другой стороны, это словарь активного типа, с обучающей прагматикой.

**Ключевые слова:** учебный комплекс, активная направленность, учет типологической специфики двух языков; двуязычный словарь, синтез лексикографических традиций, справочная и учебная функции словаря.

## **В2. Сотрудничество ДВФУ с организациями Социалистической Республики Вьетнам**

*Канд. пол. наук Евгений Евгениевич Власов*

*Заместитель проректора по международным отношениям*

*Дальневосточный федеральный университет*

***Нгуен Ань Нам***

*Старший преподаватель кафедры Тихоокеанской Азии*

*Восточный институт – Школа региональных и*

*международных исследований*

*Дальневосточный федеральный университет*

Дальневосточный федеральный университет (ДВФУ) имеет многолетний опыт взаимодействия с образовательными, научными, правительственными и коммерческими учреждениями Социалистической Республики Вьетнам. ДВФУ является единственным университетом на территории Сибири и Дальнего Востока России, где вьетнамоведение или вьетнамистика представлены в качестве самостоятельных образовательной и научно-исследовательской областей.

Подготовка дипломированных специалистов в области вьетнамского языка ведется на базе ДВФУ с 1987 г. (ДВГУ). Существенную помощь в открытии отделения вьетнамоведения в ДВГУ оказали ведущие вьетнамоведческие центры Москвы, Ленинграда (ныне г. Санкт-Петербург), а также Ханойский университет.

Именно с учетом большого вклада в развитие дальневосточной школы российского вьетнамоведения и в рамках укрепления дружбы между Россией и Вьетнамом ряд сотрудников ДВФУ были удостоены правительственных наград

Вьетнама - Ордена Дружбы. В том числе один из основателей вьетнамистики на Дальнем Востоке профессор А.Я. Соколовский.

Сорокалетний опыт изучения Вьетнама позволил Дальневосточному федеральному университету сформировать во Владивостоке одну из самых сильных школ вьетнамистики в России. Имеющийся у ДВФУ опыт взаимодействия, а также устойчивые контакты со многими вьетнамскими вузами и научно-исследовательскими учреждениями обеспечивают обширный спектр возможностей для получения студентами и преподавателями языковой и научной практики, прохождения стажировок, а также способствует привлечению новых студентов из Вьетнама для обучения в ДВФУ.

В рамках договора между Министерствами науки и высшего образования двух стран ежегодно на языковые стажировки во Вьетнам выезжают до 30 студентов из России, изучающих вьетнамский язык. ДВФУ ежегодно набирает около 20 студентов на вьетнамское направление и считается одним из лидеров по количеству студентов, изучающих СРВ и вьетнамский язык.

В 2019 году 17 студентов ДВФУ были направлены в университеты Вьетнама на образовательную стажировку. Также, стоит отметить, что ежегодно большая часть студентов, изучающих вьетнамский язык, обучаются в Университете социальных и гуманитарных наук при Ханойском государственном университете.

С 2000 г. в ДВФУ успешно функционирует Вьетнамский культурно-образовательный центр, созданный при поддержке Генерального консульства Социалистической Республики Вьетнам во Владивостоке, Приморского общества дружбы с Вьетнамом, а также вьетнамского землячества в городе Владивостоке. Вьетнамский культурно-образовательный центр



является третьим российским центром вьетнамоведения после Москвы и Санкт-Петербурга.

Центр имеет собственную библиотеку, в которой собраны книги о Вьетнаме на русском, английском и вьетнамском языках, а также периодические издания на вьетнамском языке. Центр оказывает информационно-методическую поддержку деятельности организаций и учреждений Приморского края и Дальнего Востока, осуществляющих взаимодействие с Вьетнамом.

ДВФУ также заинтересован в привлечении интеллектуального потенциала из Социалистической Республики Вьетнам. С 2011-2012 учебного года, университет принимает на обучение вьетнамских студентов, выигравших конкурс на обучение иностранных граждан в Российской Федерации за счет бюджетных ассигнований федерального бюджета. С тех пор число вьетнамских студентов, поступающих в ДВФУ, стремительно растет. На данный момент вьетнамские студенты проходят обучение по всем уровням высшего образования (бакалавриат, специалитет, магистратура, аспирантура) и по различным дисциплинам, большинство из которых — это филология и языкознание, юриспруденция, экономика, судостроение.

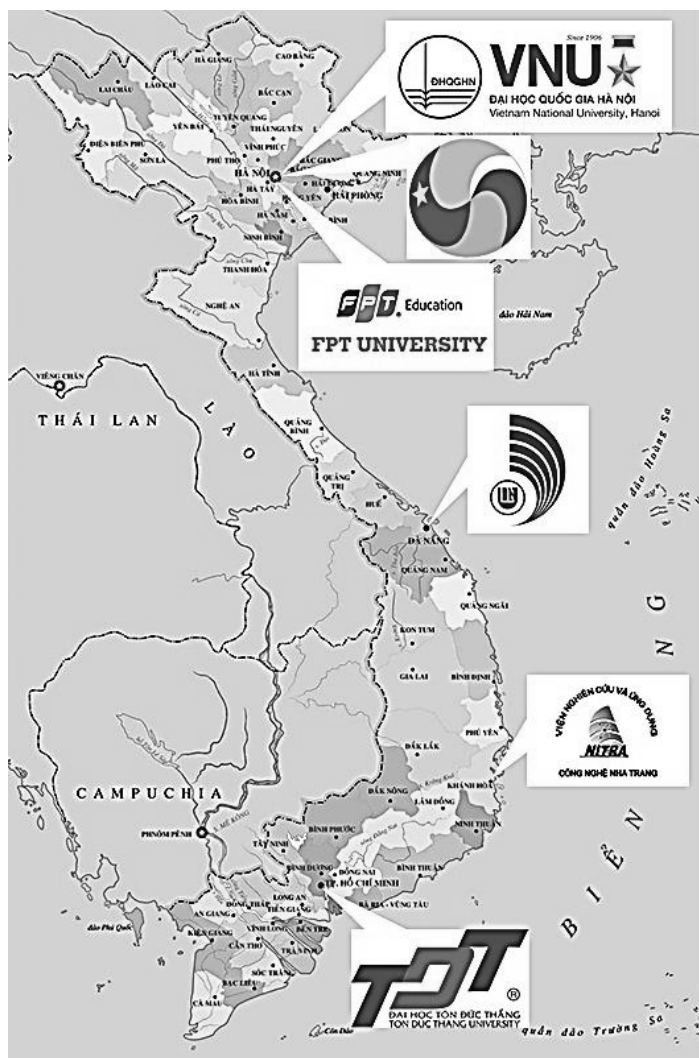


*Количество вьетнамских студентов в ДВФУ с 2011 г.*

Хотя количество вьетнамских студентов, ежегодно поступающих в ДВФУ, ещё невелико по сравнению с общим количеством вьетнамских студентов, обучающихся в Российской Федерации, это первые шаги в развитии дальнейшего сотрудничества. Университет осуществляет непрерывную работу по привлечению иностранных студентов, и есть надежда, что число вьетнамских студентов будет с каждым годом только увеличиваться. Для ДВФУ обучение вьетнамских студентов в университете также является одним из первоначальных интересов и приоритетов международного сотрудничества в области образования.

ДВФУ в настоящий момент реализует программы сотрудничества с 5 образовательными учреждениями из Вьетнама:

- Ханойский государственный университет, г. Ханой;
- Университетом Дананга, г. Дананг;
- Институтом прикладных исследований и технологий Вьетнамской академии наук, г. Нячанг;
- Университетом им. Тон Дык Тханга, г. Хошимин;
- Университет ФТР, г. Ханой.



Главные партнеры ДВФУ в СРВ

Одним из ведущих и наиболее важных партнеров ДВФУ во Вьетнаме является Ханойский государственный университет. Открытие представительства ДВФУ в Ханойском государственном университете в декабре 2018 года является одним из перспективных направлений в сфере сотрудничества с образовательными учреждениями Вьетнама. Основной целью представительства является расширение взаимодействия между

вузами по целому ряду направлений. Помимо активизации академических обменов, увеличения совместных образовательных программ в гуманитарной и технической сферах, планируется интенсифицировать взаимную подготовку студентов и преподавателей в области русского языка и вьетнамоведения, а также запустить ряд инновационных проектов с технопарком «Русский», партнерскими лабораториями и центрами в рамках сохранения экосистемы ДВФУ.

Работа представительства организована по нескольким ключевым трекам. В его рамках начнет работать «Центр трансфера высоких технологий» и будет запущена программа подготовки специалистов для инновационных высокотехнологичных компаний. Центр планирует привлекать партнерские компании России и Вьетнама для организации студенческих практик и создания российско-вьетнамских проектов в партнерстве с технопарком «Русский». Также будет создан Центр подготовки специалистов русского языка, который наладит проведение тематических летних школ, публикацию совместных пособий и научных статей по методике преподавания русского языка как иностранного.

Благодаря развитию партнерских связей расширяется сотрудничество ДВФУ с вузами и организациями Вьетнама в научно-исследовательской сфере. Так, в настоящее время Школой биомедицины ДВФУ совместно с Российско-вьетнамским тропическим центром (г. Ханой) ведется работа по научно-исследовательскому проекту «Разработка современных молекулярных биотехнологий и методов анализа биологически активных веществ» (научный руководитель - проф. Т. К. Каленик). При поддержке Научного фонда ДВФУ Политехническим институтом (Инженерная школа) реализуется 2 совместных научно-исследовательских проекта - «Природные

воздействия и безопасность морских сооружений» (руководитель - проф. А.Т. Беккер) и «Изучение новых минорных вторичных метаболитов из морских объектов Южно-Китайского и Японского морей с использованием сверхкритической экстракции ССМ» (руководитель - проф. Захаренко А.М.).

Развитию партнерских связей ДВФУ с вузами и организациями Вьетнама способствует поддержка со стороны как государственных органов (МИД СРВ и Министерства образования и подготовки кадров СРВ; Министерства науки и высшего образования РФ, МИД РФ и Россотрудничества), так и российско-вьетнамских общественных объединений (Приморского общества дружбы с Вьетнамом и вьетнамского землячества в городе Владивосток).

Социалистическая Республика Вьетнам относится к числу приоритетных стратегических партнеров ДВФУ в Азиатско-Тихоокеанском регионе. Понимание того, что потенциал сотрудничества университета с вьетнамскими партнерами велик, способствует активному развитию этих взаимоотношений с целью дальнейшего расширения взаимодействия с образовательными учреждениями и развития традиционного дружеского сотрудничества между Социалистической Республикой Вьетнам и Российской Федерацией.

### **B3. Hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học về An ninh – Quốc phòng với Liên Xô và Liên bang Nga trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa**

*Trung tướng, GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm*

*Phó Chủ tịch Chi hội Hữu nghị VN-LB Nga Bộ Công an;*

*Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu khoa học quản lý*

*và Quản trị An ninh phi truyền thống, ĐHQGHN;*

*Phó Chủ tịch Chi hội Hữu nghị VN-LB Nga ĐHQG Hà Nội*

*Nguyên Giám đốc Học viện Cảnh sát Nhân dân, Bộ Công an.*

Báo cáo trình bày tổng quan quá trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học về An ninh – Quốc phòng với Liên Xô và Liên bang Nga trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ ngày 30/01/1950 Việt Nam – Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay.

Quá trình hợp tác quốc tế về An ninh – quốc phòng giữa Việt Nam và Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay bao gồm nhiều nội dung: Hợp tác trong xây dựng lực lượng CAND, QĐND của Nhà nước Việt Nam mới; ký kết các hiệp định, bản ghi nhớ hợp tác về An ninh – Quốc phòng; hợp tác về an ninh, quân sự; hợp tác trao đổi thông tin, đảm bảo hậu cần kỹ thuật cho CAND Việt Nam và QĐND Việt Nam. Trong các hợp tác trên, hợp tác về đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học An ninh – Quốc phòng đóng vai trò quan trọng.

Trong thời gian tới giữa hai nước cần tiếp tục ký kết các Hiệp định, Bản ghi nhớ hợp tác về An ninh-Quốc phòng; tăng cường hợp tác đào tạo cán bộ Công an, Quân đội tại Liên bang Nga; tiếp tục đưa tiếng Nga vào giảng dạy cho học viên các nhà trường Công an, Quân đội Việt Nam; hợp tác nghiên cứu khoa học với Liên bang Nga phát triển công nghiệp An ninh, công nghiệp Quốc phòng; thành lập các Trung tâm, Viện nghiên cứu Việt Nam – Liên bang Nga về các vấn đề An ninh – Quốc phòng hai bên cùng quan tâm.

## **B4. Trường phái Việt Nam học St. Petersburg (Leningrad) trong lịch sử nghiên cứu Việt Nam**

*Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học Kolotov Vladimir Nikolaevich  
Trưởng tổ bộ môn Lịch sử các nước Viễn Đông,  
Khoa Phương Đông, Đại học Tổng hợp  
Quốc gia St. Petersburg (Nga),  
Giám đốc Viện Hồ Chí Minh, v.kolotov@spbu.ru*

**Tóm tắt:** Việc dạy và học tiếng Việt (An Nam) bắt đầu ở Leningrad vào nửa đầu thập niên 30 của thế kỷ XX. Giáo sư Yu.K. Shchutsky đóng vai trò quan trọng trong quá trình này. Ông đã soạn những cuốn sách giáo khoa đầu tiên về ngôn ngữ An Nam. Vào cuối những năm 1930, ông cũng như nhiều nhà phương Đông khác, đã bị đàn áp, dẫn đến việc phải chấm dứt việc dạy tiếng An Nam. Sau Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, nhờ công lao của giáo sư Nikolay Đ. Andreev mà chương trình nghiên cứu Việt Nam, cũng như các nước Đông Nam Á khác được khôi phục lại. Không lâu sau đó, vào giữa những năm 1950, GS Nguyễn Tài Cẩn được cử từ Hà Nội sang Leningrad để tổ chức giảng dạy tiếng Việt tại Đại học Tổng hợp Leningrad. Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn là người đặt nền móng vững chắc cho việc nghiên cứu về Việt Nam và cho đến nay trường phái này vẫn đang được phát triển tại Đại học Tổng hợp St.Petersburg.

**Từ khóa:** Việt Nam học tại Leningrad, Việt Nam học tại St.Petersburg, Yu.K. Shchutsky, Nguyễn Tài Cẩn

## **TIỂU BAN 1.**

**LỊCH SỬ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ  
HỮU NGHỊ VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA 1950 - 2020**



## **Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Liên bang Nga: Những đặc điểm nổi bật**

*Đoàn Thị Minh Oanh*

*Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

**Tóm tắt:** Trong lịch sử quan hệ ngoại giao của Việt Nam, quan hệ với Liên Xô (trước đây) và Liên bang Nga (hiện nay) luôn có một vị trí quan trọng, tác động đa chiều tới sự phát triển của mỗi nước và có ảnh hưởng trực tiếp đối với sự phát triển của Việt Nam. Nhìn lại chặng đường 5 năm phát triển (2012-2017) của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga, có thể nhận thấy những đặc điểm nổi bật như sau: i) *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga được xây dựng trên nền tảng lịch sử lâu dài, vững chắc.* ii) *Trong các lĩnh vực quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga, quan hệ chính trị - ngoại giao là quan hệ nổi bật.* iii) *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga được phân biệt với hệ thống các quan hệ khác của hai nước trong khu vực bởi những đặc tính riêng của nó.* iv) *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga phát triển trên nền tảng nước Nga tăng cường sự hiện diện ở khu vực Đông Nam Á.* v) *Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga ngày càng mang tính thực tế cao.* Những đặc điểm tổng quát nêu trên của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt – Nga trong 5 năm qua (2012-2017) cho phép khẳng định rằng, quan hệ song phương giữa hai nước có một tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng, ý nghĩa chiến lược đặc biệt đối với sự phát triển của cả hai quốc gia. Điều quan trọng là hai nước đều cần tiếp tục nỗ lực phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nắm bắt mọi cơ hội lịch sử, không ngừng củng cố, phát triển quan hệ hai nước trên mọi chiều cạnh, vì lợi ích của nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân Nga, vì hòa bình, an ninh, ổn định ở khu vực Đông Nam Á, châu Á-Thái Bình Dương và trên thế giới./.

**Từ khóa:** Quan hệ Việt - Nga; đối tác chiến lược Việt – Nga; đặc điểm quan hệ Việt – Nga; ngoại giao Việt – Nga.

## **Vai trò của mô hình Xô Viết trong quá trình hiện đại hóa nền giáo dục đại học Việt Nam**

*Nguyễn Mậu Hùng*

*Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

**Tóm tắt:** Mặc dù được hình thành từ thời phong kiến và đã được tiếp cận với giáo dục đại học Pháp ngữ thời cận đại, nhưng mô hình Xô Viết mới thực sự đóng vai trò chủ đạo trong quá trình hiện đại hóa nền giáo dục đại học Việt Nam đương đại. Mô hình Xô Viết là một khuôn mẫu lý tưởng mà giáo dục đại học Việt Nam không cần thử nghiệm để noi theo, nhưng sự giúp đỡ vô tư của các nền giáo dục đại học Xô Viết tân tiến hơn mới thực sự quý giá. Gần như toàn bộ đội ngũ nguồn nhân lực trình độ cao và các thể hệ trí thức mới của Việt Nam đều được đào tạo theo mô hình này. Nguồn nhân lực trình độ cao này không chỉ đã dần dần thay thế vị thế của các giới trí thức trước, mà còn nắm giữ hầu hết các cương vị trọng yếu nhất của đất nước và góp phần đưa nền giáo dục đại học Việt Nam đương đại tiệm cận dần dần với các tiêu chuẩn tiên tiến của giáo dục đại học thế giới. Tuy nhiên, trước các thay đổi nhanh chóng của thời cuộc, đa phần các mô hình giáo dục đại học Xô Viết đều đã từng bước hội nhập với giáo dục thế giới hiện đại bằng nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Giáo dục đại học Việt Nam cũng không thể đứng ngoài cuộc, nhưng hiện vẫn chưa thể giải quyết thành công tất cả các vấn đề tồn đọng. Nổi cộm nhất trong số này mô hình đa cấp, đơn ngành, và thiếu liên kết của các cơ sở giáo dục bậc cao theo mô hình Xô Viết. Sự tách biệt giữa các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu là một trong những biểu hiện rõ ràng nhất cho tình trạng này.

**Từ khóa:** mô hình Xô Viết, hiện đại hóa, giáo dục đại học, Việt Nam.

## **Việt Nam - Liên bang Nga: 70 năm quan hệ ngoại giao, hơn 60 năm hợp tác về KH&CN**

*Trần Việt Thanh*

*Nguyên Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ*

Lịch sử 70 năm quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Liên bang Xô Viết trước kia và Liên bang Nga ngày nay đã khẳng định tinh đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước, tạo nền tảng cho mối quan hệ hợp tác hiệu quả trong nhiều lĩnh vực, trong đó có khoa học và công nghệ (KH&CN). Nhìn lại chặng đường hơn 60 năm hợp tác Việt - Nga về KH&CN có thể thấy, đây là một trong những lĩnh vực hợp tác quan trọng được cả hai nước quan tâm và thúc đẩy. Trong khuôn khổ các chuyến thăm của Lãnh đạo cấp cao hai bên, đã có nhiều thỏa thuận hợp tác song phương về KH&CN được ký kết, tạo nền tảng cho hoạt động của lĩnh vực được đánh giá có nhiều thành tựu phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế-xã hội, rất giàu tiềm năng và cần khai thác mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

## **Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Giáo dục - Đào tạo và Khoa học – Kỹ thuật những năm 1975 -1991**

*Nguyễn Thị Mai Hoa*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN*

**Tóm tắt:** Trong quan hệ giữa Việt Nam và Liên Xô, giai đoạn 1975-1991 là một giai đoạn hợp tác hết sức đặc biệt. Đây là giai đoạn mà Việt Nam vừa ra khỏi cuộc chiến tranh thống nhất đất nước với rất nhiều khó khăn, nhất là những khó khăn liên quan đến phát triển kinh tế, đến chủ quyền, lãnh thổ... Với tình hình đó, việc không ngừng

củng cố, phát triển quan hệ với Liên Xô là hết sức quan trọng đối với Việt Nam; trong đó tăng cường hợp tác về giáo dục – đào tạo và khoa học – kỹ thuật có ý nghĩa đặc biệt trong quá trình xây dựng đất nước. Những năm tháng hợp tác đó đã gặt hái được nhiều thành tựu to lớn, không chỉ góp phần không nhỏ vào việc đẩy mạnh một bước sự phát triển của bản thân những lĩnh vực này, mà còn trực tiếp có ý nghĩa đối với việc củng cố quan hệ tổng thể giữa hai nước nói chung. Bài viết tập trung làm rõ các khía cạnh của quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên Xô về giáo dục – đào tạo và khoa học – kỹ thuật những năm 1975 - 1991; từ đó chỉ ra những đặc điểm cơ bản, chính yếu nhất của sự hợp tác này.

### **История изучения Вьетнама в Санкт-Петербурге/Ленинграде/Санкт-Петербурге**

*V.H. Колотов*

### **Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về Khoa học – Kỹ thuật những năm 1954-1975**

*Võ Anh Duy*

*Đại học Tổng hợp Quốc gia Nghiên cứu Xây dựng Mát-xcơ-va*

**Tóm tắt:** Trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – Liên Xô, hợp tác về khoa học – kỹ thuật là một trong những lĩnh vực hợp tác có hiệu quả cao và đạt nhiều thành tựu đáng khích lệ. Đó là một quá trình hợp tác lâu dài; trong đó, Việt Nam là nước được hưởng nhiều lợi ích nhất định. Những năm 1954-1975, nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ hết sức cam go, quyết liệt. Trong những năm tháng khó khăn ấy, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam – Liên Xô về khoa

học – kỹ thuật phát triển không ngừng, đóng góp đáng kể vào các kết quả xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn XHCN cho tuyến tiền tuyến lớn miền Nam chiến đấu và chiến thắng. Bài viết tập trung làm rõ các mặt/các nội dung xuyên suốt của quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên Xô về khoa học – kỹ thuật những năm 1954-1975, chỉ ra những thành tựu quan trọng trong quan hệ hợp tác; từ đó nêu lên những đặc điểm nổi bật trong sự hợp tác này.

**Từ khóa:** Việt Nam, Liên Xô, quan hệ hợp tác, khoa học – kỹ thuật, viện trợ kinh tế - kỹ thuật, Ủy ban hỗn hợp kinh tế - kỹ thuật, nền kinh tế quốc dân....

## **Hợp tác giữa Việt Nam - Liên Xô về giáo dục những năm 1965-1975**

**Võ Duy Tùng**

*Trường Đại học Hoa Sen*

**Tóm tắt:** Quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên Xô là quan hệ hợp tác toàn diện; trong đó, hợp tác về giáo dục là một trong những lĩnh vực hợp tác quan trọng, có nhiều thành tựu nổi bật. Những năm 1965-1975 là khoảng thời gian Việt Nam đang gồng mình chống Mỹ, tiến tới thông nhất đất nước. Trong những năm tháng đó, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô về giáo dục phát triển một cách nhanh chóng, mạnh mẽ. Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong đào tạo chuyên gia, trong xây dựng hệ thống giáo dục đã góp phần không chỉ thay đổi bộ mặt giáo dục của Việt Nam, đẩy nhanh phát triển kinh tế, mà còn đóng góp trực tiếp đối với sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, chuẩn bị những tiền đề vững chắc cho việc xây dựng đất nước sau ngày toàn thắng. Bài viết tập trung làm rõ các khía cạnh của quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên Xô về giáo dục những năm 1965-1975, từ đào tạo sinh viên, chuyên gia đến xây dựng đội ngũ tri thức Việt Nam,

xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam...; từ đó nêu lên những đặc điểm nổi bật của sự hợp tác này.

**Từ khóa:** Việt Nam, Liên Xô, kháng chiến chống Mỹ, quan hệ hợp tác toàn diện, hệ thống giáo dục Việt Nam, giáo dục, giáo dục – đào tạo, lưu học sinh, đội ngũ tri thức Việt Nam, chuyên gia Liên Xô, cơ sở đào tạo...

## **Việt Nam – Liên bang Nga – 70 năm những dấu mốc lịch sử và vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy mối quan hệ ASEAN – Liên bang Nga**

*Hoàng Thùy Linh*

*Trường Đại học Văn Lang*

**Tóm tắt:** Trải qua 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1950 – 2020), Việt Nam – Liên Bang Nga hiện nay đã trở thành Đối tác chiến lược; đặc biệt, trên cơ sở mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, Việt Nam đã phát huy vai trò “mắt xích” trong việc thúc đẩy quan hệ ASEAN – Nga. Do đó, việc nghiên cứu được thực hiện nhằm phục dựng, đánh giá bức tranh toàn cảnh, đa chiều về lịch sử quan hệ Việt Nam - Liên Bang Nga. Với các phương pháp lịch sử, logic, phân tích, tổng hợp, nghiên cứu đã chỉ ra được những dấu mốc lịch sử quan trọng cùng với những thăng trầm trong quan hệ Việt Nam – Liên Bang Nga và đánh giá vai trò, tác động qua lại lẫn nhau trong bối cảnh có nhiều biến động hiện nay.

**Từ khóa:** Việt Nam – Liên Bang Nga, ASEAN – Liên Bang Nga

## Một số hợp tác Nga-Việt nổi bật trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

*Trần Đại Lâm*

*Viện Kỹ thuật nhiệt đới, Viện Hàn lâm KHCN VN*

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, kể từ năm 1954, giữa Việt Nam và Liên Xô (ngày nay là Liên Bang Nga) đã bắt đầu có sự hợp tác, tương hỗ trong các lĩnh vực then chốt như là giáo dục và đào tạo cũng như khoa học và công nghệ. Mối quan hệ sâu sắc giữa hai nước càng trở nên tốt đẹp, khăng khít hơn qua công cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền nam, cũng như trong quá trình khôi phục lại nền kinh tế, xây dựng và phát triển đất nước sau này.

Trải qua 70 năm, mặc dù tình hình chính trị trên thế giới có nhiều biến động, tuy nhiên tình cảm hữu nghị hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô (ngày nay là Liên Bang Nga) vẫn luôn được giữ vững, duy trì, củng cố và phát triển. Hơn 50 000 cán bộ thuộc nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó có hàng nghìn tiến sỹ và tiến sỹ khoa học đã được đào tạo tại nước bạn. Hầu hết các cán bộ này sau khi về nước đã và đang là các cán bộ đầu ngành, nắm giữ các vị trí quan trọng trong các ban, ngành, viện nghiên cứu ở Việt Nam.

Các nghiên cứu khoa học tự nhiên giữa Viện Hàn lâm KHCN VN (Viện KHVN trước đây) và các Viện nghiên cứu, trường Đại học của Liên xô được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, nổi bật trong số đó là lĩnh vực vật lý với việc hợp tác với Viện nghiên cứu hạt nhân Dubna; lĩnh vực hóa học đóng góp các dự án về dầu khí, năng lượng của Việt Nam; lĩnh vực sinh học, nổi bật với dự án đưa bào hoa dâu lên thí nghiệm trên Tàu liên hợp Soyuz 37 ngoài không gian trong chuyến bay của Trung tướng Phạm Tuân, cùng với nhà du hành vũ trụ

Xô Viết V.V. Gorbatko trên tàu vào ngày 23 tháng 7 năm 1980 và rất nhiều các hợp tác điển hình khác. Với những kết quả khoa học nổi bật và có ý nghĩa cho sự phát triển hợp tác khoa học hai nước, một số nhà khoa học Việt Nam đã được Liên Xô (ngày nay là Liên Bang Nga) phong danh hiệu Viện sỹ, tiêu biểu là: VS. Nguyễn Văn Hiệu (Vật lý), VS. Đặng Vũ Minh (Hóa học) và VS. Nguyễn Văn Đạo (Cơ học).

Đặc biệt, trong thời gian hợp tác khoa học giữa Việt Nam và Liên Xô (ngày nay là Liên Bang Nga), nước bạn đã giúp đỡ, hỗ trợ thành lập một viện khoa học về kỹ thuật đầu tiên nhằm ứng dụng thành tựu khoa học liên ngành (Lý-Hóa-Sinh) vào đời sống, đó là Viện Kỹ thuật nhiệt đới (thành lập năm 1980), và trên cơ sở khoa học đó, sau này tiếp tục hình thành và phát triển Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga (thành lập năm 1988), nơi tập trung nghiên cứu khoa học và kỹ thuật nhiệt đới trong lĩnh vực độ bền nhiệt đới, sinh thái nhiệt đới và y sinh nhiệt đới, ứng dụng trong dân sự, quân sự, quốc phòng - an ninh. Những đóng góp to lớn của Liên Xô (ngày nay là Liên Bang Nga) cho Việt Nam trong mối quan hệ hợp tác về khoa học tự nhiên là không thể đong đếm. Mỗi hợp tác này sẽ luôn được các nhà khoa học Việt Nam nói chung, các cán bộ nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nói riêng, trân trọng, gìn giữ, mở rộng và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

## **Hợp tác giáo dục Việt – Nga qua những tư liệu của đoàn cán bộ khoa học đầu tiên sang Liên Xô học tập năm 1951**

*Trần Bích Hạnh, Nguyễn Thanh Hóa*

*Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam*

**Tóm tắt:** Năm 1955, Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Liên bang Xô Viết chính thức ký kết hiệp định đầu tiên về hợp tác giáo dục và đào



tạo. Tuy vậy, qua tư liệu của Viện Lưu trữ Lịch sử chính trị – xã hội quốc gia Liên bang Nga cho biết, tháng 11-1950, ngay sau khi có quan hệ ngoại giao, Chính phủ Liên Xô đã tiếp nhận 21 sinh viên Việt Nam sang Liên Xô học tập. Có thể khẳng định rằng, đây là đoàn cán bộ khoa học kỹ thuật đầu tiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng cử sang nước bạn đào tạo nhằm vừa củng cố lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kỳ vừa chuẩn bị cán bộ cho xây dựng đất nước. Thông tin chi tiết về đoàn cán bộ khoa học này như họ là ai, họ được đào tạo như thế nào,... hầu như rất ít được biết đến. Năm 2011, Trung tâm Di sản các nhà khoa học Việt Nam đã thực hiện chuyên đề nghiên cứu tiếp cận với hai thành viên còn sống của đoàn và gặp gỡ với gia đình của 19 thành viên còn lại.

Câu chuyện về việc học tập tại Liên Xô những năm đầu sau khi thiết lập quan hệ giữa hai nước được hé mở thông qua ký ức và những tài liệu, hiện vật mà các thành viên trong đoàn còn lưu giữ. Đó là những cuốn nhật ký ghi chép trước và trong quá trình học tập, vở ghi chép bài giảng, hộ chiếu đi đường, báo cáo kết quả học tập, nhận xét học tập và hàng chục bức ảnh tư liệu chụp trong thời gian học tập... Sang Liên Xô, 21 thành viên của đoàn được phân công học nhiều ngành đa dạng, từ y học, dược học, sản xuất vũ khí, nông nghiệp đến khai thác than, luyện kim, cán thép và thậm chí là kiến trúc. Những người đi học đều coi đó là một mặt trận không tiếng súng nhưng quan trọng không kém mặt trận nơi tiền tuyến của cuộc kháng chiến ở trong nước và cố gắng giữ gìn một tình hữu nghị Việt – Xô tốt đẹp theo lời dặn trước khi đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “đầu xuôi đuôi lọt”.

Tài liệu, hiện vật, câu chuyện ký ức của họ là những minh chứng sống động cho tình hữu nghị Việt Nam – Liên Xô (nay là Liên bang Nga), mở đầu cho hợp tác lâu dài với nhiều thế hệ người Việt Nam sang Nga học tập. Bài tham luận sẽ giới thiệu và phân tích về quan hệ hợp tác Việt Nam – Liên Xô về giáo dục đào tạo thông qua những di sản của đoàn cán bộ khoa học đầu tiên này.

## Hợp Tác Việt - Nga: Lịch sử và triển vọng

*Đỗ Thị Hiện*

*Trường Đại học Công nghiệp TP HCM*

**Tóm tắt:** Việt Nam và Liên bang Nga có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Hai nước đã trải qua chặng đường 70 năm đầy thử thách và biến động, cùng nhau xây đắp tình hữu nghị Việt-Nga qua nhiều thế hệ người dân hai nước. Bài viết “Hợp tác Việt - Nga: Lịch sử và triển vọng” tập trung nghiên cứu lịch sử mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp mà Việt Nam và Nga cùng nhau xây dựng và vun đắp 70 năm qua; đồng thời cùng với những thành quả và kinh nghiệm hợp tác quý báu, hai nước Việt Nam và Liên bang Nga ngày nay tiếp tục nỗ lực đưa quan hệ Việt-Nga lên tầm cao mới vì sự phát triển của hai dân tộc.

**Từ khóa:** *Hợp tác, Việt - Nga, Lịch sử, Triển vọng.*

## Работа «Хо Ши Мин. Биография» - ценный документ в духовном наследии Хо Ши Мина

*Нгуен Суан Хоа*

*Институт общественных и гуманитарных наук ВГУ, Ханой*

Работа « Хо Ши Мин. Биография» представляет собой составную часть научного проекта «Исследование и распространение идеологии Хо Ши Мина между Государственной политической академией Хо Ши Мина (Вьетнам) и Институтом Хо Ши Мина при Санкт-Петербургском Государственном университете (Российская Федерация)».

Настоящая работа, изданная впервые на русском языке во Вьетнаме, содержит в себе почти полную биографию Хо Ши Мина как основоположника дружбы и всестороннего сотрудничества между Вьетнамом и Россией. Она стала доступна россиянам и большому количеству владеющих русским языком читателей в разных странах мира, внося благоприятный вклад в подготовку учебных курсов по хошиминоведению и идеологии Хо Ши Мина в СПбГУ.

Работа «Хо Ши Мин. Биография» знакомит россиян и зарубежных друзей с точными и проверенными сведениями, связанными с жизнью и деятельностью, идеологией и моралью, методами и стилем работы Президента Хо Ши Мина. Известно, что в резолюции 24с/18.65 Генеральной Ассамблеи Юнеско 24-го созыва, 1987 г. в частности говорится, что «...Президент Хо Ши Мин – выдающийся символ национальной воли – посвятил всю свою жизнь делу национального освобождения вьетнамского народа, внёс вклад в общую борьбу за мир, национальную независимость, демократию и социальный прогресс. Важный и многосторонний вклад Президента Хо Ши Мина в области культуры, образования и искусства представляет собой квинтэссенцию многотысячелетней культурной традиции вьетнамского народа, а его идеология воплощает чаяния народов в утверждении своей национальной идентичности и способствует развитию взаимопонимания между народами...».

Вьетнамский народ гордится тем, что Хо Ши Мин олицетворяет национальную волю создавать и отстаивать страну, выраженную в его известном изречении «Короли Хунги создали нашу страну, а мы с вами должны вместе ее сохранить». В этом отражена и твёрдая воля вьетнамского народа в «Великом воззвании по случаю умиротворения китайцев», написанном Нгуен Чаем в 15-ом веке:

*Высшая мудрость гласит:*

*Гуманность и справедливость – дать мир и счастье  
народу,*

*Святой долг воителей – искоренить насилие*

*Наше государство Дайвьет –*

*Страна древней и высокой культуры*

*Горы и реки, земля и море – у нас свои.*

Чтобы отстаивать государство Дайвьет, ныне Вьетнам - страну древней и высокой культуры, Хо Ши Мин в июне 1911 года в поисках путей спасения родины покинул страну познакомиться с человеческой цивилизацией, а затем вернуться в страну, чтобы помочь своим соотечественникам в борьбе за национальную независимость. У него был накоплен богатый опыт о борьбе за национальное освобождение, весьма полезный не только для вьетнамского народа, но и для угнетенных народов мира. Будучи вначале патриотом, Нгуен Ай Куок впоследствии стал коммунистом. Благодаря осознанию сути марксизма-ленинизма, Нгуен Ай Куок смело выдвинул многие творческие положения о колониальной революции, способствуя обогащению марксистско-ленинской теории о развитии национально-освободительной революции. Принятие научного Проекта «Исследование и распространение идеологии Хо Ши Мина между ГПА Хо Ши Мина (Вьетнам) и Институтом Хо Ши Мина при СПбГУ (Российская Федерация)», в том числе русского перевода работы «Хо Ши Мин. Биография» в январе 2017 года, является эффективным моментом в исследовании и распространении идеологии Хо Ши Мина за рубежом в целом и в Российской Федерации, в частности.

**Ключевые слова:** Нгуен Ай Куок, Хо Ши Мин, идеология Хо Ши Мина, духовное наследие Хо Ши Мина, хошиминоведение,

идеология и мораль Хо Ши Мина, поиски путей спасения Родины, национальное освобождение, национальная независимость, всестороннее сотрудничество между Вьетнамом и Россией.

## **Lịch sử hình thành và phát triển quan hệ hợp tác Việt - Nga trong khai thác dầu khí ở vùng biển Việt Nam**

*Nguyễn Mai Phương*

*Trường Đại học Ngoại thương*

**Tóm tắt:** Năm nay, tròn 70 năm thiết lập quan hệ Việt Nam – Liên Xô (sau này là Liên bang Nga). Đây là mối quan hệ hữu nghị, truyền thống, lâu đời và là đối tác chiến lược toàn diện trên nhiều lĩnh vực trong đó có khai thác dầu khí. Có thể nói, sự phát triển của ngành dầu khí Việt Nam gắn liền với sự hợp tác của hai chính phủ Việt - Nga trong khai thác dầu khí. Sự hợp tác này có một quá trình lịch sử lâu dài trải qua các giai đoạn và việc hiện thực hóa ý tưởng, chủ trương bắt đầu từ đầu thập niên 80 của thế kỷ trước với sự ra đời của Xí nghiệp Liên doanh Việt - Xô (Vietsovpetro). Hợp tác Việt – Nga trong khai thác dầu khí đã đem lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên, riêng với Việt Nam thì đó là nhân tố quan trọng, góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế biển của đất nước.

**Từ khóa:** Quan hệ hợp tác Việt- Nga, khai thác dầu khí.

## **Quan hệ Việt Nam - Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (1950 - 1975)**

*Lê Văn Thịnh*

**Tóm tắt:** Quan hệ Việt Nam – Liên Xô trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo có từ rất sớm, gắn liền với những hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Từ năm 1950, sau khi kiến lập quan hệ ngoại giao, quan hệ giáo dục và đào tạo ngày càng phát triển phong phú và đi vào chiều sâu, trở thành một trong năm trụ cột chính của quan hệ, hợp tác toàn diện giữa hai nước. Nội dung bài viết làm rõ động thái của quan hệ về giáo dục đào tạo giữa Việt Nam và Liên Xô từ năm 1950 đến năm 1975, khi Việt Nam thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, từ thực tiễn lịch sử mối quan hệ, bài viết đã đưa ra một số nhận xét chủ yếu về đặc điểm, vai trò, vị trí của mối quan hệ với Việt Nam và Liên Xô.

## **TIỂU BAN 2:**

**GIẢNG DẠY TIẾNG NGA CHO SINH VIÊN VIỆT NAM  
VÀ TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NGA;  
DỊCH THUẬT NGA – VIỆT, VIỆT – NGA**

## **Дистанционное обучение русскому языку как иностранному в условиях пандемии коронавируса в ВУЗах Вьетнама**

*Нгуен Тхи Ким Ань*

*Институт Внешней Торговли*

**Аннотация:** В статье представляются аспекты организации дистанционного образования. Излагаются основные компоненты и возможности дистанционного обучения, дано представление его сути и содержания, преимущества и ограничения в его использовании. Представлен опыт дистанционного образования для студентов Института Внешней Торговли во время пандемии коронавируса. Рассмотрены использования разных платформ как Zoom, Google Team ... и проблемы, возникающие у студентов при дистанционных занятиях.

**Ключевые слова:** дистанционное образование, информационные технологии (ИТ), информационно-коммуникационные технологии (ИКТ)



## **Достоинства и недостатки использования приложения Zoom в обучении письменной речи на начальном уровне**

*Нгуен Тхи Ньи Нгуен*

*Кафедра русского языка – Институт иностранных языков при  
Тхайнгуенском университете*

**Аннотация:** Статья посвящена возможности использования программного приложения Zoom в обучении русскому языку как иностранному. Описываются основные методы обучения, лежащие в основе обучающего приложения, с целью показать достоинства и недостатки использования данного приложения к обучению письменной речи на начальном уровне с помощью приложения Zoom в сравнении с методами традиционного обучения в институте иностранных языков при Тхайнгуенском университете (далее ИИЯ при ТхУ). В этой статье исследуется уровень готовности учащихся к внедрению данного приложения в учебный процесс и предлагаются методические рекомендации.

**Ключевые слова:** преподавание русского языка как иностранного, приложение Zoom, обучение письменной речи, начальный уровень, методы традиционного обучения

## **Русская литература в академическом пространстве во Вьетнаме: Обзор заметных монографий**

*Нгуен Тху Тху Тхуй (Nguyen Thi Thu Thuy),  
Вьетнамский государственный университет, Ханой*

**Аннотация:** Русская литература является одной из зарубежных литератур, произведения которых присутствовали и оказывали немалое влияние на литературную жизнь во Вьетнаме с начала двадцатого века. Несмотря на интенсивную переводческую деятельность русской литературы, её углубленное и систематическое изучение началось довольно поздно – в 80 – 90-ые годы, и центрами исследовательской деятельности стали кафедры зарубежной литературы филологических факультетов Ханойского и Хошиминского государственных университетов или Педагогического института, а также Института Литературы Вьетнамской Академии социальных наук. Авторами этих исследований в основном являются преподаватели, непосредственно преподающие русскую литературу в этих учреждениях. Исследовательские труды по русской литературе включают: пособия; дипломные, магистерские и диссертационные работы; научные статьи, опубликованные в журналах и доклады на конференциях; вводные статьи в предисловии переводных изданий; статьи по русской литературе в литературной энциклопедии и монографии. В данной статье я органичиваюсь своим рассмотрением только на одном типе работ – а именно авторских монографий по русской литературе. Обзорение будет проводиться по 3 группам монографий: 1. Изучение восприятия русской литературы во Вьетнаме с точки зрения теории рецепции; 2. Изучение явлений в истории русской литературы или истории жанров на основе применения

культурно-исторического метода; 3. Изучение творчества отдельных авторов на основе системно-структурного подхода. В обзоре монографий я стараюсь объективно представить их содержание и методологические позиции их авторов, избегая всяких оценок.

**Ключевые слова:** Русская литература, монография по русской литературе, изучение русской литературы во Вьетнаме, восприятие русской литературы во Вьетнаме

### **Универсальная модель разработки системы упражнений для обучения устному последовательному переводу Вьетнамских студентов-филологов**

*Бу Нгок Винь<sup>1</sup>, Фам Куанг Лан<sup>2</sup>*

*<sup>1</sup> Ханойский университет,*

*<sup>2</sup> Институт иностранных языков при Ханойском государственном университете*

**Аннотация:** В статье рассматривается универсальная модель разработки системы упражнений для обучения устному последовательному переводу (УПП) вьетнамских студентов-филологов. В разработанную универсальную модель входит три блока упражнений: подготовительных, операционно-переводческих и собственно-переводческих. Каждый блок, в свою очередь, включает типы упражнений, призванных выработать соответствующие навыки, умения и операции УПП. Созданная на основе общепризнанных дидактических, общеметодических и частных принципов, учитывающих специфику обучения УПП, система упражнений моделирует типичные ситуации переводческой деятельности в соответствии

с каждым из её этапов. Имея единую структуру, данная модель вполне отвечает конечной цели и требованиям к обучению УПП в языковом вузе.

**Ключевые слова:** модель системы упражнений, обучение УПП, навыки, умение перевода.

## Văn học Nga trong nhà trường phổ thông

*Thành Đức Hồng Hà*

*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt:** Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, văn học Nga chính thức được đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam. Điều này là cần thiết để góp phần mở rộng tầm nhìn cho học sinh, tạo điều kiện cho các em có thể tiếp xúc với những tinh hoa văn hoá của nhân loại, khám phá giá trị nhân văn, thẩm mỹ của nền văn học Nga. Văn học Nga đem đến một luồng không khí mới, ảnh hưởng lớn tới văn học Việt Nam và đời sống tinh thần của con người Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển nhân cách và tâm hồn cho thế hệ trẻ Việt Nam. Nội dung báo cáo đề cập quá trình tiếp nhận văn học Nga qua từng giai đoạn phát triển của nền giáo dục Việt Nam cho đến nay.

**Từ khóa:** văn học Nga, chương trình, phổ thông, tác giả Nga.

## Uyển ngữ xét từ góc độ lịch sử và cấu tạo

*Nguyễn Văn Chiến*

*Trường Đại học Hà Nội*

**Tóm tắt:** Uyển ngữ là từ hoặc ngữ được sử dụng thay thế những từ, ngữ được coi là chưa nhã, quá trực tiếp, dung tục, chướng tai gai mắt

hay thô lộn trong các lĩnh vực đời sống xã hội. Các từ và ngữ thay thế mang tính bất định, vì phụ thuộc vào thời gian, vào cá nhân người sử dụng uyển ngữ. Uyển ngữ nằm trong hệ thống các biện pháp tu từ, nó có mối liên hệ chặt chẽ với phúng dụ, hoán dụ. Lí do căn bản của việc tạo uyển ngữ là tâm lí không muốn xúc phạm, không muốn hạ nhục ai, cũng vì thế mà sinh ra tục kiêng. Với người nguyên thủy thì họ không hề phân định rạch ròi từ ngữ và sự vật. Họ cho rằng giữa tên gọi và người hay sự vật mà từ ngữ biểu đạt có những mối liên hệ vật chất có thực. Do đó con người ta có thể bị tác động ma thuật từ bên ngoài qua tên của họ như qua mắt, tóc, răng, lỗ chân lông, v.v... Từ đó người nguyên thủy coi tên của mình là một bộ phận chính của cơ thể và rất quan tâm săn sóc đến nó. Nếu như cái tên bị hại không kém vết thương đau đớn trên cơ thể. Bài viết dẫn ra những ví dụ về hiện tượng kiêng húy trong cuộc sống khiến người ta phải dùng đến các đơn vị từ vựng mà ngày nay chúng ta gọi là uyển ngữ để tránh mọi hệ lụy xấu, không mong muốn. Những kiêng húy như thế trước hết gắn liền với tên người sống và tên người đã khuất.

**Từ khóa:** Uyển ngữ, kiêng húy, tên người, các phương thức cấu tạo, đặc điểm sử dụng.

## **Применение информационных технологий в процессе обучения русскому языку**

*Нго Тхи Куен*

*Факультет Русского языка Институт Иностранных языков при Ханойском государственном университете*

**Аннотация:** В рамках статьи подчеркнута необходимость применения достижений информационных технологий в обучении иностранным языкам, которые являются новой тенденцией нашей эпохи. Обучение по этому новому методу приносит много пользы обучающимся, создает веселую

атмосферу классу, вызывает у обучающихся интерес к урокам и повышает эффективность учёбы. Рядом с этим, в статье представлены некоторые приложения, которые можно использовать при обучении иностранным языкам в целом, и некоторые полезные веб-сайты для обучения русскому языку в частности. Кроме того, в статье проанализированы преимущества и недостатки каждого приложения и места, которые являются полезными для использования материалов, чтобы читатели могли легко получить к ним доступ и использовать их эффективно и быстро.

**Ключевые слова:** Информационные технологии, применение информационных технологий, инновация в обучении, образовательные приложения, навыки поиска информации

## **Nhân vật Raskolnikov (Tội Ác và Hình Phạt – F.Dostoievsky) và nhân vật Rastignac (Lão Goriot – H.Balzac) từ góc nhìn so sánh loại hình**

*Lê Thị Thu Hiền, Nguyễn Phúc An*

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt:** Nghệ thuật là sự độc đáo, không lặp lại, tuy thế, đôi lúc người ta thấy giữa những nghệ sĩ lớn lại có những gặp gỡ, đồng điệu đến kì lạ. Hai nhà văn hiện thực lớn của Nga và Pháp - Fedor Mikhailovich Dostoievsky và Honore de Balzac có thể coi là trường hợp như thế. Mỗi nhà văn có phong cách, cá tính sáng tạo rất riêng, không trộn lẫn song trong cả cuộc đời cũng như sáng tác của họ ta có thể tìm thấy nhiều điểm tương đồng khá thú vị. Cả hai đều sống trong thời đại mà “mọi thứ bị đảo lộn và đang được sắp xếp lại”, sáng tác của họ là tấm gương phản ảnh sinh động đời sống hiện thực Nga và Châu Âu lúc bấy giờ. Một vấn đề rất được hai nhà văn quan tâm khai

thác đó là sự lên ngôi của đồng tiền và sức mạnh của nó chi phối đến đời sống con người, đặc biệt là tầng lớp thanh niên đương thời. Raskolnikov trong tiểu thuyết *Tội ác và hình phạt* và nhân vật Rastignac trong tiểu thuyết *Lão Goriot* được Dostoievsky và Balzac miêu tả là điển hình của những con người trẻ tuổi mang trong mình hoài bão lớn lao, có khối óc tinh nhạy trước hiện thực cuộc sống và một trái tim nhân hậu nhiệt thành yêu thương. Thế nhưng sống trong một xã hội mà giá trị đồng tiền được tuyệt đối hóa họ trở nên những con người khác, tha hóa về nhân cách, thậm chí với Raskolnikov còn là vượt ngưỡng phạm tội ác. Rastignac ôm ước vọng được bước chân vào giới thượng lưu, trong khi đó Raskolnikov khôn nguôi lí tưởng về một cái tôi cá nhân có thể làm thay đổi xã hội. Nếu tính hiện thực được Balzac xây dựng ở Rastignac rất đậm nét thì Raskolnikov của Dostoievsky lại được khai thác ở cả chiều sâu thế giới nội tâm. Có thể nói, thế giới nội tâm của Raskolnikov giống như một vòng xoáy với lớp lớp mâu thuẫn, còn nội tâm của Rastignac lại diễn tiến theo hướng của một đường thẳng đi xuống. Đặt hai nhân vật từ góc nhìn so sánh loại hình, thông qua bài viết này, chúng tôi muốn chỉ ra những điểm gặp gỡ, tương đồng cũng như sự khác biệt giữa hai nhân vật, để từ đó thấy được tư duy nghệ thuật đặc sắc cũng như cách thức tiếp cận hiện thực của hai nhà văn Dostoievsky và Balzac.

### **Безличные существительные предикативы в современном русском языке и их передача на вьетнамский язык**

*Нгуен Тхи Тхань Ха*

*Факультет русского языка и русской культуры*

*Институт иностранных языков при Ханойском государственном университете*

**Аннотация:** В статье рассматриваются безличные существительные предикативы в современном русском языке и

их передача на вьетнамский язык на материале некоторых русских художественных произведений. Результаты исследования могут быть использованы в курсе морфологии и синтаксиса современного русского языка и применены в переводческой практике.

## Kiểu nhân vật “Con Rối” trong văn xuôi M.Lermontov

*Trần Thúy Hoàn,<sup>1</sup> Lê Thị Thu Hiền<sup>2</sup>*

*<sup>1</sup>Sở GD&ĐT Bắc Giang*

*<sup>2</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt:** Đối với độc giả Việt Nam, tác phẩm của nhà thơ, nhà văn Nga vĩ đại Mikhail Lermontov (1814 - 1841) có một sức hấp dẫn đặc biệt. Đường đời cũng như đường thơ của Lermontov không dài, tuy chỉ với hơn mười năm hoạt động sáng tạo nghệ thuật, Lermontov đã để lại cho nhân dân Nga một di sản văn học vô giá với hơn 400 bài thơ trữ tình, ba tiểu thuyết, một số bút ký, truyện, trường ca và kịch. So với thơ, văn xuôi Lermontov tuy số lượng tác phẩm được viết không nhiều và phần nửa trong số đó chưa được hoàn thiện, song nó có giá trị to lớn, góp phần hình thành và phát triển chủ nghĩa hiện thực tâm lý trong văn học Nga lên đến đỉnh cao. Bằng cảm quan hiện thực sắc sảo và bút pháp mỉa mai, châm biếm, Lermontov đã vẽ nên một bức tranh chân thực về xã hội Nga thế kỷ XIX với thế giới nhân vật đông đảo, phong phú, trong thế giới ấy kiểu nhân vật “con rối” đứng ở vị trí trung tâm, có vai trò quan trọng. Dựng công xây dựng kiểu nhân vật này nhà văn thông qua đó khái quát cuộc sống nhàm tẻ, nhạt nhẽo, ngưng trệ của xã hội thượng lưu Nga đương thời. Nhân vật “con rối” được đặt trong những “sân khấu rối” khiến người đọc cảm nhận cuộc đời con người giống như một tấn trò, một vở hài kịch, bằng cách đó nhà văn gửi gắm khát vọng tìm đường, đổi thay của thanh niên Nga đương thời.



## Biểu tượng “Vườn” trong truyện ngắn A.Chekhov

*Lê Thị Thu Hiền, Lê Thị Thu Phương, Đỗ Mạnh Dũng*

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt:** A.Chekhov (1860 – 1904) được đánh giá là cây bút truyện ngắn xuất sắc của văn học Nga và thế giới. Độc giả Việt Nam yêu mến, say mê những câu chuyện giản dị mà sâu sắc, những truyện không có truyện của nhà văn. Nghiên cứu Chekhov, chúng tôi nhận thấy, một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn cho mỗi trang truyện của ông không thể không nhắc tới đó là việc sử dụng rất nhiều biểu tượng giàu ý nghĩa được nhà văn khéo léo miêu tả trong thế giới nghệ thuật của mình. Trong báo cáo này chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu, giải mã một biểu tượng tiêu biểu, xuất hiện với tần số cao trong nhiều truyện ngắn của A.Chekhov đó là biểu tượng “vườn”. Những hình ảnh quen thuộc của đất nước Nga, văn hóa Nga như cây bạch dương, khu vườn, khóm phức bồn tử, ... trong sáng tác của Chekhov trở thành biểu tượng về một cuộc sống không vận động, bế tắc của con người ở “thời buổi đau ốm” cần có những đổi thay. Khám phá biểu tượng “vườn” chúng tôi hy vọng làm đầy đặn thêm bức chân dung tinh thần của nhà văn – người được coi là “nghệ sĩ vô song, nghệ sĩ của cuộc sống” (L.Tolstoy).

## **Sự gặp gỡ giữa Tachiana (*Evgheni Oneghin* – A.Pushkin) và Thúy Kiều (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)**

*Lê Thị Thu Hiền, Lê Thị Bích Ngọc, Hà Thị Diệu Thùy, Nguyễn Thùy Dung*

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt:** Aleksandr Sergeyevich Pushkin và Nguyễn Du đều là những tác giả có sức ảnh hưởng lớn đối với nền văn học của đất nước mình. A.Pushkin được ví như “mặt trời thi ca Nga”, là khởi đầu của mọi khởi đầu, người đặt những viên gạch nền móng vững chắc đưa văn học Nga lên đỉnh cao với nhiều thành tựu rực rỡ. Đối với Nguyễn Du, sáng tác của ông, đặc biệt là *Truyện Kiều* đã đưa tên tuổi nhà thơ thành đại thi hào dân tộc, là niềm tự hào của văn học Việt Nam đối với bạn bè năm châu. Cũng như *Truyện Kiều*, tiểu thuyết *Evgheni Oneghin* là tác phẩm hết sức thành công của Pushkin. Có sự gặp gỡ trong cái nhìn của cả hai nhà thơ khi miêu tả thân phận người phụ nữ, chính vì vậy giữa Tachiana và Thúy Kiều ta thấy có nhiều điểm tương đồng khá thú vị. Sự giao thoa văn hóa, văn học đã giúp chúng tôi có được những cơ sở cần thiết để nghiên cứu vấn đề này. Bài viết được thực hiện đúng dịp kỉ niệm 200 năm ngày mất của đại thi hào Nguyễn Du và kỉ niệm 70 năm hợp tác khoa học Việt Nam và Liên bang Nga vì thế có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp thêm một tiếng nói khẳng định sức sống mãnh liệt của Pushkin và Nguyễn Du trong bối cảnh văn hóa đọc đang có nhiều thay đổi hiện nay.

## Kí hiệu không gian trong tập truyện Peterburg của N.V.Gogol

*Lê Thị Thu Hiền, Đinh Thị Thúy, Ngô Thị Minh Nguyệt*

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**Tóm tắt:** Trong lịch sử phát triển văn học Nga nói riêng và văn học thế giới nói chung, N.V.Gogol là nhà văn hiện thực xuất sắc có đóng góp quan trọng. Độc giả Việt Nam yêu mến Gogol bởi những áng văn xuôi đậm chất hài hước gây cười mang phong cách độc đáo riêng thấy nơi nhà văn. Trong sự nghiệp sáng tác của Gogol *Tập truyện Peterburg* không phải là tác phẩm xuất sắc nhất song sự ra đời của nó đã đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa hiện thực Gogol. Khai thác tập *Truyện Peterburg* dưới góc nhìn kí hiệu học, chúng tôi nhận thấy không gian nghệ thuật trong tác phẩm là một kí hiệu độc đáo. Việt tìm hiểu, giải mã kí hiệu này đem lại cho chúng ta một cách nhìn mới về những vấn đề được nhà văn đặt ra trong tác phẩm.

## Методика использования коротких стихотворных форм в преподавании РКИ на начальном этапе

*Литовченко Т.А.*

*Кафедра «Русский язык», Московский авиационный институт  
(национальный исследовательский университет)*

**Аннотация:** В статье рассматриваются вопросы повышения эффективности аудиторных занятий на начальном этапе преподавания РКИ за счет использования кратких стихотворных

форм; приводятся многочисленные примеры, в том числе авторские.

**Ключевые слова:** преподавание РКИ, начальный этап, краткие стихотворные формы

## Lời thơ của những bài hát tiếng Nga

*Nguyễn Hải Thanh*

*Khoa Quốc tế, ĐHQGHN*

**Tóm tắt:** Với mỗi lưu học sinh Việt Nam chúng tôi, những ai đã từng học đại học ở Liên Xô trước đây, các bài hát Nga luôn là những kỉ niệm không thể nào quên, mãi mãi đi cùng năm tháng cuộc đời. Tâm hồn Nga, văn hóa Nga như dòng suối mát lành chảy mãi trong tâm trí chúng tôi, trong tâm hồn chúng tôi, từ thời tuổi trẻ cho đến lúc này và mai sau. Có lẽ không ở đâu trên trái đất này như trên đất nước Nga, lời các bài hát phần nhiều là do các nhà thơ viết lên. Bởi vậy lời bài hát cũng là một bài thơ toàn vẹn, khi cảm xúc tìm thấy suy nghĩ của nó và suy nghĩ thì tìm thấy các ngôn từ dành cho thân phận con người, đất nước và tình yêu. Sự đồng cảm của tâm hồn Nga và tâm hồn Việt thật khó giải thích. Có thể có những lí do sâu xa về lịch sử, văn hóa hay giáo dục. Trong tham luận này, tôi chỉ muốn nói tới điều, với tất cả cảm xúc của mình, rằng bên cạnh những tác phẩm văn chương bất hủ của đất nước Nga đã được dịch sang tiếng Việt như tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm* (Тихий Дон) của Mikhail Aleksandrovich Sholokhov hay bài thơ *Đợi anh về* (Жди меня) của Konstantin Mikhailovich Simonov và rất nhiều tác phẩm văn chương khác, những bài hát tiếng Nga với lời thơ sâu lắng và đẹp đẽ cũng là nơi tâm hồn Nga và tâm hồn Việt có sự đồng cảm, gắn bó, sẻ chia. Điều này đã, đang và sẽ là một nền tảng quan trọng cho sự hợp tác của Liên bang Nga và Việt Nam trong lĩnh vực khoa học và giáo dục.

## **«Тюремный дневник» Хо Ши Мина**

*(К 130-летию первого Президента Вьетнама и 60-летию перевода его «Тюремного дневника» на русский язык)*

*Андреева И. И.*

*Газета «Литературный Санкт-Петербург», Рыбацкий проспект,  
Санкт-Петербург, 192076, Российская Федерация.*

**Аннотация:** В статье рассматривается история создания и издания «Тюремного дневника» Хо Ши Мина, анализируется своеобразие жанра, сюжета и композиции произведения, сообщаются сведения о переводе «Тюремного дневника» на русский язык поэтом П. Антокольским, а также приводятся отклики в русской критике на произведение и его перевод, устанавливаются некоторые сходства и переклички произведений Хо Ши Мина, Ю. Фучика и М. Джалиля.

**Ключевые слова:** «Тюремный дневник», история создания и издания, лиро-эпическая поэма, сюжет и композиция, лирический герой, история перевода, П.Антокольский, «рыцари духа»: Хо Ши Мин, Юлиус Фучик, Муса, Джалиль, переклички, современное звучание.

## **Преподавание вьетнамского языка в России: традиции и новые вызовы**

*Доцент, к. ф. н. Зубцова Е.Р.*

*Кафедра восточных языков, МГЛУ (Москва)*

Российское вьетнамоведение возникло практически с нуля во второй половине XX века, но уже к 80-м годам

сформировалась одна из лучших в мире школ преподавания и научных исследований. Однако после распада СССР в начале 90-х годов ситуация с подготовкой кадров вьетнамцев стала стремительно меняться в худшую сторону. В последние десятилетия многие вьетнамцы были вынуждены уйти из профессии.

В то же время потребность в качественных специалистах-вьетнамцах в ближайшие годы, скорее всего, будет возрастать.

В 2017 году МГЛУ набрал первую группу вьетнамского языка, впоследствии – ещё две. Для качественной подготовки вьетнамцев XXI века требуются новые учебники и учебные пособия, отвечающие современным требованиям, и преподаватели вьетнамского языка МГЛУ такое пособие делают.

Помимо практического отсутствия современных учебников, ещё одна серьёзная проблема – сильно изменившийся контингент студентов, не привыкших мыслить, читать, сопоставлять, анализировать полученную с помощью гаджетов информацию, формировать и аргументировать свою точку зрения.

Плюсы и минусы дистанционного образования при изучении редких восточных языков. Онлайн образование может эффективно дополнять учебный процесс, но не может и не должно подменять классическое образование в аудитории.

## **Thực trạng học tiếng Nga tại Học viện An ninh Nhân dân - khó khăn và giải pháp**

*Nguyễn Thị Hà Đông*

*Khoa Ngoại ngữ, Học viện An ninh Nhân dân*

**Tóm tắt:** Việc dạy ngoại ngữ của Học viện An ninh nhân dân ngay từ khi mới thành lập đến nay đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Bên cạnh truyền thống đào tạo Ngoại ngữ của Học viện an ninh nhân dân hiện nay trong chương trình còn tiến tới phát triển hợp tác giáo dục đào tạo tương đối toàn diện, với các hình thức từ trao đổi đoàn, trao đổi chuyên gia, cử cán bộ, giảng viên và học viên đi đào tạo Đại học và Sau đại học. Có thể nói việc học Ngoại ngữ nói chung và học tiếng Nga nói riêng đang là hoạt động được quan tâm tại Học viện An ninh nhân dân. Bài báo đề cập đến thực trạng cụ thể của việc học tiếng Nga hiện nay tại Học viện, những khó khăn và giải pháp. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp để cải thiện từ đó nâng cao hiệu quả học tiếng Nga cho sinh viên trong thời gian tới.

## **Giảng dạy tiếng Nga cho người Việt**

*Nguyễn Ngọc Hùng*

*Trung tâm Văn hoá-Ngôn ngữ Đông Tây*

**Tóm tắt:** 1. Ngoại ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, là công cụ không thể thiếu được trong hợp tác quốc tế. Tiếng Nga được phổ biến ở nước ta muộn hơn so với các ngoại ngữ khác như: tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh, song tiếng Nga đã là chiếc cầu nối mới giữa hai nước anh em và đã đem lại cho chúng ta những kết quả to lớn trong mọi lĩnh vực phát triển xã hội: chính trị, văn hoá, kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục ...

2. Hồ Chủ tịch vốn rất coi trọng ngoại ngữ. Người biết nhiều ngoại ngữ và sử dụng thành thạo trong quá trình hoạt động cách mạng. Lần đầu Người tới nước Nga vào năm 1930 và đã dùng tiếng Nga để tìm hiểu đất nước Xô-viết, nghiên cứu chủ nghĩa Lê-nin. Người là sinh viên Việt Nam đầu tiên của Trường Đại học Phương Đông, nơi đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước phương Đông. Người trở thành trợ giảng cho nhóm sinh viên Việt Nam, tiếp đó được phân công phụ

trách nhóm sinh viên các nước Á-Phi của trường. Hồ Chủ tịch còn là nhà báo tâm cỡ quốc tế, những bài báo của Người viết bằng tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nga đã vạch trần bản chất của chế độ thực dân-đế quốc và thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Nga trong giai đoạn xây dựng đất nước sau Cách mạng tháng Tám với sự hỗ trợ hữu hiệu từ đất nước Xô-viết anh em, ngay từ năm 1950 Hồ Chủ tịch đã chủ trương đào tạo đội ngũ phiên dịch và giáo viên tiếng Nga một cách bài bản. Khoá học tiếng Nga đầu tiên được đào tạo tại Trường Đại học ngoại ngữ Bắc Kinh. Sau hoà bình lập lại năm 1954 để chuẩn bị cho việc hợp tác sâu rộng và thuận lợi giữa Liên Xô và Việt Nam, nước bạn đã cấp cho Việt nam một trăm xuất học bổng để đào tạo cán bộ phiên dịch và giảng dạy tiếng Nga ở Việt Nam. Đội ngũ cán bộ này đã trở thành nòng cốt cho việc hợp tác Việt-Nga về khoa học và giáo dục.

3. Chức năng và kết quả đào tạo tiếng Nga của một số cơ sở đầu tiên ở Việt Nam: Trường trung cấp ngoại ngữ Mỹ Trì, Trường Bổ túc ngoại ngữ Gia Lâm và Khoa ngoại ngữ - Đại học Tổng hợp Hà Nội.

### **Пути сохранения родной культуры и языка вьетнамского сообщества в городе Казани - РФ**

*Чан Куанг Куи,<sup>1</sup> Нгуен Тхи Ньи Нгует,<sup>2</sup>  
Нгуен Фам Нгует Линь,<sup>2</sup> Чан Тхи Хонг Хань<sup>2</sup>*

<sup>1</sup>*ТхайНгуенский информационный и телекоммуникационный  
университет*

<sup>2</sup>*Иностранный институт ТхайНгуенского университета*

**Целью исследования:** сохранения и развития национальной культуры и языка вьетнамской диаспоры Казани. Казань является одним из самых многонациональных городов России, в котором проживает большое количество различных этнических групп.



Среди них представлена и вьетнамская община, численность которой составляет около 1000 человек. Несмотря на то, что численность вьетнамцев, проживающих в Казани, намного меньше, чем в Москве и Санкт-Петербурге, проблема сохранения, поддержания и развития вьетнамской культуры и языка является не менее актуальной.

**Выводы:** Дом дружбы народов Татарстана оказывает активную помощь и поддержку в проблеме сохранения, поддержания и развития национальной культуры представителей разных этнических групп, проживающих в Татарстане. Так, для вьетнамского сообщества организованы воскресные языковые классы для детей вьетнамцев, долгое время проживающих в Казани, а также класс вьетнамских народных танцев. Республиканская поддержка в сохранении культуры и родного языка национальных этнических групп Татарстана способствует усилению дружеских связей между различными народами, повышению уровня толерантности граждан и является залогом формирования и устойчивого развития общества.

**Ключевые слова:** вьетнамская культура, традиции, национальная идентичность, Дом дружбы народов.

## **Основные значения глаголов с префиксами ЗА-, ПО-, РАЗ- в сопоставлении с соответствующими глаголами с постфиксами с постфиксами -ĐI, -LÊN, -RA в русском и вьетнамском языках**

*Nguyễn Thị Tâm*

*Học viện Khoa học Quân sự*

**Антонация:** За последние два десятилетия появилось так много разнообразных исследований по проблемам контрастивной лингвистики, что по существу возникла новая отрасль

языкознания. Чаще всего контрастивные исследования связывают с задачами преподавания иностранных языков. Контрастивное исследование должно содержать систематическое сравнение форм и значений единиц структуры сопоставляемых языков, исходя из предположения о существовании некоего базового сходства между языками при наличии дифференцирующих данные языки различий. При сравнении языков невозможно сопоставлять одновременно все языковые факты, ибо специфика каждой из сторон языка требует особого к ним подхода. Разными свойствами обладает звуковая сторона, сторона лексическая и грамматическая структура языка. Предметом сопоставления в нашей статье являются глаголы русского языка с префиксами ЗА-, ПО-, РАЗ- с глаголами с постфиксами -ĐI, -LÊN, -RA во вьетнамском языке как грамматическое явление. В качестве единицы измерения данного языкового явления применяется термин «грамматическая категория» в принятом понимании.

**Ключевые слова:** контрастивная, лингвистика, сопоставления, префиксами, глаголы, постфиксы

### **Соответствие оригинального и переводного названия фильма его содержанию**

*Nguyễn Thị Hương Lan*

*Khoa NN&VH Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN*

**Аннотация:** Известно, что популярность фильма часто во многом определяется его заглавием, ведь эффективным заголовком гораздо легче привлечь зрителя, чем описанием содержания этого фильма. Поэтому необходимо составить лаконичный, аттрактивный заголовок, отражающий содержание фильма.

Перевод заглавия фильма – также очень сложная и ответственная задача. При этом переводчик должен выступать как посредник между текстами на исходном языке и языке перевода. Необходимо умело перевести оригинального названия фильма на другой язык, не потеряв связи с содержанием фильма. В данной работе, мы рассмотрим заголовки иностранных фильмов и их переводы на русском языке с точки зрения соотношения заглавия с темой, содержанием ... фильма. Потом предложим наши варианты для переводов на русском языке. В качестве примеров мы взяли три известных иностранных фильма про любовь, которые уже были показаны на русском экране. В этой работе мы используем такие основные методы, как: метод сопоставительного анализа и метод трансформационного анализа ... В результате мы можем утвердить, что существуют разные способы перевода названий фильмов, но, по нашему мнению, в процессе перевода переводчики должны основаться на тесной связи между заголовками и содержаниями, темами ... кинопроизведений.

## **Từ công việc của quỹ “Hỗ trợ quảng bá văn học Việt Nam – văn học Nga” thêm đôi lời về bức tranh dịch văn học Nga ở Việt Nam trong thời gian qua**

*Hoàng Thúy Toàn,*

*Hội Văn văn Việt Nam, nghiên cứu, dịch thuật văn học Nga*

**Tóm tắt:** Thông báo về công việc của cái có tên Quỹ "Hỗ trợ quảng bá văn học Việt Nam - văn học Nga" - một kênh dịch văn học Nga từ năm 2012 đến năm 2019. Một góc nhìn khái quát về bức tranh dịch thuật văn học Nga ba thập kỉ vừa qua ở Việt Nam. Một số thông tin về

tình hình dịch thuật và xuất bản sách văn học Nga ở một số nước đáng lưu ý để nghĩ về Việt Nam.

## Приставка ПРО- и постфикс СЯ- в образовании производных значений русских глаголов

*Зыонг Чан Хыонг Тхао  
Академия Военных наук*

**Аннотация:** Приставочные глаголы занимают центральное место в русском языке и всегда привлекают большое внимание лингвистов к их изучению. Глагольные приставки изучаются как вечная, «сквозная» тема в лингвистической истории. Русские приставочные глаголы – это трудный для иностранных учащихся раздел. Сложность в употреблении русских приставочных глаголов обусловлена с обилием глагольных приставок в русском языке, многообразием значений глагольных приставок, закономерностями лексической и синтаксической сочетаемости приставочных глаголов, использованием приставочных глаголов в контексте. Подобная ситуация наблюдается, в частности, и во вьетнамской аудитории в силу различных типологических особенностей русского, как флективного и вьетнамского как изолирующего. Так, для русского языка, если аффиксация является характерным способом формообразования и словообразования, то для вьетнамского – прибавлением добавочных элементов аналитического характера. Например: в русском: *читать* – **про**+*читать*; *смотреть* – **про**+ *смотреть*, **про**+*смотреть*+**ся**, то во вьетнамском: *đọc* – *đọc xong*; *nhìn* – **bỏ qua** – *nhìn rõ*. Именно эти разные способы формообразования и словообразования и вызывают большие трудности у вьетнамских учащихся при изучении русских глаголов. Учитывая

происходящие процессы в методике преподавания русскому языку как иностранному и трудности у вьетнамских учащихся, в своем исследовании нами был предложен наиболее эффективный способ обучения приставочным глаголам вообще, и глаголам с приставкой *про-(-ся)*, в частности, который в условиях жесткого лимита времени позволяет не только максимально облегчить восприятие учащимися учебного материала, но и повысить скорость формирования грамматических, коммуникативных навыков и умений студентов при обучении РКИ.

## **NGA HỌC VÀ NGA NGỮ HỌC Việt Nam**

*Bùi Hiền*

**Tóm tắt:** Các thuật ngữ NGA HỌC, NGA NGỮ HỌC và NGỮ VĂN NGA hiện nay chưa được định hình vững chắc và chưa phổ biến rộng rãi, do đó mà cũng chưa có định nghĩa chính thức nào về nội hàm của ba thuật ngữ này. Nhưng trong thực tiễn thì các hoạt động thuộc các lĩnh vực trên đã diễn ra từ rất lâu rồi và đã có những đóng góp rất to lớn và tích cực đối với sự phát triển của Việt Nam.

**NGA HỌC Việt Nam** là ngành khoa học nghiên cứu toàn diện về đất nước và con người Nga: từ chính trị, quân sự, kinh tế đến văn hóa, khoa học, giáo dục, tôn giáo, vv... dưới góc độ mục đích, nhu cầu và khả năng thực tế của Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử bang giao giữa Việt Nam với Liên Xô trước kia và Liên bang Nga ngày nay.

NGA HỌC Việt Nam khác với NGA HỌC nói chung cho mọi nước (kể cả Nga) và NGA HỌC của từng nước cụ thể khác.

**NGA NGỮ HỌC VIỆT NAM** là phân ngành NGA HỌC Việt Nam chuyên nghiên cứu và ứng dụng tiếng Nga, văn học Nga, văn hóa giao tiếp ngôn ngữ của người Nga và phương pháp dạy-học các môn học đó ở Việt Nam.

Sau ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH), do nhu cầu xây dựng và phát triển đất nước, chính phủ Hồ Chí Minh đã chủ trương thiết lập mối bang giao hữu nghị với các nước, trong đó có Liên Xô là nước đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, để tiến hành hoạt động trao đổi, học tập kinh nghiệm mọi mặt của đất nước Xô Viết, để thắt chặt tình hữu nghị giữa Việt Nam và Liên Xô.

Để đạt được mục đích và mục tiêu xác định của Nhà nước cho từng giai đoạn, ngành Nga ngữ học Việt Nam luôn định hướng tổ chức hoạt động chủ yếu của mình trong suốt thời gian qua là tập trung xây dựng đội ngũ lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng như đã trình bày ở trên. Rồi trên cơ sở dựa vào khả năng, điều kiện thực tế, ngành Nga ngữ học đã triển khai các hoạt động chủ yếu để đáp ứng những đòi hỏi của từng giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngành Nga ngữ học Việt Nam đã từng bước tạo dựng được cho mình những cơ sở khoa học để đi sâu và nâng cao khả năng nghiên cứu và ứng dụng những sản phẩm của mình vào thực tiễn. Từ những quan sát ban đầu qua thực tế dạy-học và phiên dịch đã nêu ra được những nhận xét, báo cáo về sự khác biệt giữa tiếng Nga và tiếng Việt, cùng với những đề xuất xử lý hữu hiệu được trình bày tại các hội thảo và đăng trên báo chí khoa học

Một hoạt động sáng tạo thầm lặng, nhưng cũng vô cùng gian khổ của giới Nga ngữ học Việt Nam là biên soạn tài liệu giảng dạy, sách giáo khoa và từ điển các loại – những phương tiện không thể thiếu được trong quá trình dạy-học và nghiên cứu ngôn ngữ, văn học và văn hóa Nga.

Tóm lại ngành Nga ngữ học Việt Nam đã tận tụy lao động và sáng tạo trong suốt hơn 70 năm qua (1946-2020) để hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử mà Đảng và Nhân dân đã trao cho là xây dựng chiếc cầu ngôn ngữ-văn hóa vững chắc cho hai dân tộc Việt và Nga giao lưu và kết tình hữu nghị thắm thiết muôn đời không phai.

**Từ khoá:** Nga học, Nga học Việt Nam, Nga ngữ học, ngữ Văn Nga, Nga ngữ học Việt Nam, sách giáo khoa, từ điển, phương tiện giảng dạy.

**TIỂU BAN 3.**  
**HỢP TÁC GIÁO DỤC**  
**VÀ NGHIÊN CỨU GIỮA HAI NƯỚC**



## РОССИЯ ДАЕТ МНЕ ВОЗМОЖНОСТЬ ПОЕХАТЬ В МИР С НОВЫМ ЗНАНИЕМ ВРЕМЕНИ

*Доан Хонг Нхунг,<sup>1</sup> Ву Ван Тхань.<sup>2</sup>*

<sup>1</sup>Юридическая школа - Ханойский национальный университет (ВНУ)

<sup>2</sup>Педагогический университет. Ханой

**Анотация:** Приезжая в необъятную Россию, русские люди добрые и добрые, у меня всегда остались хорошие воспоминания, когда я собирался учиться и исследовать Smart City Building, умный трафик. С новыми, современными знаниями, управлением камерой, цифровым позиционированием и идентификацией ... .. С двумя основными исследовательскими целями по проекту интеллектуального приложения трафика и продвижения бизнеса. По мере изучения роли и места интеллектуальных транспортных систем в сети автомобильных дорог в Российской Федерации развиваются тенденции. В то же время исследуйте и разрабатывайте правила, применимые к интеллектуальному планированию трафика в интеллектуальной транспортной сети Smart City для Вьетнама в будущем. Благодаря фундаментальным научным основам новые знания об интеллектуальном трафике были ориентированы на исследование, распространение, распространение и создание исходной основы для проектов интеллектуального трафика для Ханоя и Хошимина. Город Хошимин, Вьетнам с 2018 года. Распространение гуманистических знаний и современных знаний (ITSONROAD) .GREEN FIELD JSC принесло мне новые знания из Российской Федерации, новую культуру эпохи технологий 4.0 для Вьетнамское юридическое образование.

**Ключевые слова:** умный город, умный транспорт, (ITSONROAD). ЗЕЛЕНОЕ ПОЛЕ, Российская Федерация, российская разведка, новые знания.

## **Сотрудничество Международного института – ВГУ с ВУЗами России**

*Май Нгуен Туен Хоа*

*Международный институт – ВГУ, Русский центр, Ханой*

**Анотация:** Международный институт – ВГУ (МИ-ВГУ) был основан в 2002 году как Международный вьетнамороссийский институт после официального визита Президента РФ В.В.Путина во Вьетнам.

На базе МИ-ВГУ впервые была открыта совместная образовательная программа подготовки студентов по направлению «Бухгалтерский учет, аудит и анализ», совместно с Тамбовским государственным техническим университетом (ТГТУ). Студенты, после 1-го или 2-го курса могли приехать в Россию для продолжения учебы и получить диплом специалиста ТГТУ или продолжить обучение во Вьетнаме и получить диплом бакалавра, выданный МИ-ВГУ.

В МИ-ВГУ также впервые был открыт Подготовительный факультет, где студенты могут пройти программу подготовительного курса ВУЗов России и по окончании – сдать и получить сертификат ТРКИ-1.

На протяжении 18 лет основания, МИ-ВГУ не перестает развиваться: МИ-ВГУ сегодня – это институт с более, чем 2000 учащимися на разных программах подготовки бакалавров и магистрантов. Институт преподает специальность на

иностранном языке по 3 моделям: программы обучения с выдачей дипломов ВГУ, программы – с выдачей дипломов ВУЗов партнеров, а также программы двойных дипломов.

Сотрудничество между МИ-ВГУ и российскими ВУЗами основывается на обмене преподавательским составом, студентами и разработке совместных образовательных программ.

**Ключевые слова:** совместная образовательная программа, обучение специальности на иностранном языке, сотрудничество в области образования.

## **Sự đa dạng mô hình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa Trường ĐHKТ Lê Quý Đôn và một số trường đại học của LB Nga**

*Hà Mạnh Thắng<sup>1</sup>, Trần Nguyễn Ngọc<sup>1</sup>, Lutin Sergay Alekseievich<sup>2</sup>*

*<sup>1</sup>Trường ĐHKТ Lê Quý Đôn*

*<sup>2</sup>Trường Đại học Hàng không Mátxcova (MAI).*

**Tóm tắt:** Trong nhiều năm qua, ĐHKТ Lê Quý Đôn là trường đại học của Việt Nam có nhiều hợp tác với các trường đại học kỹ thuật hàng đầu của LB Nga trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác, Trường ĐHKТ Lê Quý Đôn đã chủ động phối hợp với các đối tác để đề xuất các phương án mở rộng và cải cách hình thức hợp tác đào tạo ở các bậc đào tạo các nhau. Ngoài ra, nhà trường đã không ngừng thay đổi, đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Bài báo đánh giá sơ lược kết quả hợp tác, trong đào tạo nghiên cứu khoa học Việt Nam và LB Nga nói chung và giữa Trường ĐHKТ Lê Quý Đôn và một số trường đại học của LB Nga nói riêng, đồng thời đề xuất một số nội dung hợp tác mới phù hợp

với các diễn biến hiện nay trên thế giới, như: dịch Covid-19, đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, chuẩn hóa các chứng chỉ ngoại ngữ...

## **Опыт сотрудничества Национального исследовательского университета «МЭИ» с вузами и организациями Вьетнама**

*Тарасов Александр Евгеньевич, Ширинский Сергей Владимирович,  
Гуличева Елена Геннадьевна*

*Национальный исследовательский университет «МЭИ»*

**Аннотация:** в статье проанализирован многолетний опыт сотрудничества Национального исследовательского университета «МЭИ», Москва, с университетами и организациями Вьетнама. Дана краткая характеристика крупным российско-вьетнамским проектам в области образования, совместным образовательным программам между НИУ «МЭИ» и вузами Вьетнама. Рассмотрен опыт проведения летних школ в России для школьников Вьетнама. Показана необходимость развития академической мобильности, всестороннего сотрудничества в области образования и науки между Вьетнамом и Россией.

## **Chính sách “Hương Đông” của Liên bang Nga và tác động đến quan hệ Việt – Nga hiện nay**

*Nguyễn Văn Tuấn  
Học viện Chính trị khu vực III*

**Tóm tắt:** Sau khi Liên Xô sụp đổ, Liên bang Nga (Nga) trở thành quốc gia độc lập, phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa,

sau một thời gian thực hiện chính sách “Định hướng Đại Tây Dương” không mang lại kết quả như mong đợi. Nga đã có sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại theo hướng “Cân bằng Đông - Tây” và cũng từ đó, chính sách “hướng Đông” đã dần dần được manh nha và định hình. Đến nay, chính sách “hướng Đông” đã trở thành đường hướng quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga và mang lại lại nhiều kết quả tích cực. Trong quá trình triển khai chính sách “hướng Đông” đã có những tác động đến quan hệ giữa Nga với các nước ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương (CATBD), trong đó có Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách “hướng Đông”, Liên bang Nga, Việt Nam, quan hệ Việt – Nga

## **Hợp tác Việt - Nga trong nghiên cứu khoa học: lĩnh vực khảo cổ học**

*Thân Thị Hằng*

*Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

**Tóm tắt:** Trong 70 năm qua mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga trải dài trên nhiều lĩnh vực như: giáo dục, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quốc phòng an ninh... Trong đó lĩnh vực khoa học, ghi dấu ấn của nhiều sự kiện, dự án hợp tác quan trọng. Một trong những lĩnh vực mới được hợp tác gần đây nhưng đã ghi được nhiều kết quả quan trọng, mở ra những hướng nghiên cứu mới, đó là: Khảo cổ học. Năm 2014, chương trình hợp tác quốc tế “Nghiên cứu quá khứ xa xưa của Việt Nam” giữa Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học - Dân tộc Novosibirsk, Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Liên bang Nga được thực hiện. Chương trình hợp tác này kéo dài trong 5 năm từ 2015-2019. Trong quá trình thực hiện, các nhà khoa học Việt - Nga tham gia dự án đã tiến hành khảo sát, khai quật tại các địa điểm có phát hiện

thời đại Đá cũ của Việt Nam. Đặc biệt với những phát hiện mới và quan trọng tại phức hợp Đá cũ An Khê (Gia Lai) đã gây tiếng vang lớn đối với giới khoa học trong và ngoài nước. Những chứng cứ chân xác từ những kết quả khảo sát, khai quật có thể nhận định An Khê là nơi xuất hiện người nguyên thủy sớm nhất ở Việt Nam. Những phát hiện, nghiên cứu mới này càng củng cố và mở rộng hơn mối quan hệ hợp tác quốc tế giữa Việt Nam - Liên bang Nga trong lĩnh vực Khảo cổ học - Dân tộc học. Một lĩnh vực không mới nhưng chúng ta chưa có nhiều điều kiện để nghiên cứu và tiếp cận với nhiều phương pháp nghiên cứu mới và khoa học.

**Từ khóa:** khảo cổ học, hợp tác, phương pháp nghiên cứu, triển vọng hợp tác, An Khê.

## **Подготовка кадрового резерва в области бухгалтерского учета и аудита в контексте международной экономической интеграции**

*To Txi Туиет Кхань*

**Аннотация:** Одним из основных путей к повышению ценности восприятия университетов в мире информационных технологий и онлайн образования является управление социально ответственным поведением и работа с заинтересованными лицами. Какую роль призваны играть университеты в жизни регионов, в обосновании, контроле и анализе эффективности их развития? На что необходимо ориентироваться вузам при подготовке новых кадров? Какими компетенциями они должны обладать и как обеспечить приобретение этих компетенций? Какие этические принципы необходимо прививать специалистам общественно-значимых экономических профессий? В данном

докладе хочется продемонстрировать анализ зарубежного положительного опыта в повышении социальной ответственности университетов и подготовке специалистов в области учета, анализа, аудита и статистики.

## **Аналитическая записка: Сотрудничество и развитие в области образования между Вьетнамом и Россией**

*Во Тху Ту Ань*

*Томский государственный университет*

**Аннотация:** Данная аналитическая записка отвечает на вопрос: «Выгодно ли Вьетнаму расширять сотрудничество с Россией в сфере образования?». Решая его, нами будут рассмотрены вопросы, связанные с отношениями между Вьетнамом и Российской Федерацией в области образования, усилия Вьетнама и России по развитию специального образования. В двустороннем соглашении между Россией и Вьетнамом об образовании говорится, что необходимость развития науки и технологии требует от Вьетнама наличия источника квалифицированной рабочей силы, чтобы Вьетнам смог увеличить число вьетнамских студентов, получающих стипендии с российской стороны, в разных сферах и областях обучения. Стоит обратить внимание на условия жизни вьетнамских студентов в России, а также вопросы трудоустройства после их возвращения домой. Основные методы аналитической записки: общенаучный метод выявления причинно-следственных связей, логико-графический анализ, а также SWOT-анализ. В записке анализируются отношения между Россией и Вьетнамом в области образования, а также выгоды, которые Вьетнам получил при

установлении отношений с Российской Федерацией в области образования. Обе страны стремятся построить прочные отношения. В качестве источников информации использовались источники новостей, статистические данные, исследовательские статьи и интернет-порталы.

**Ключевые слова:** Вьетнам и РФ, образовательные отношения между Вьетнамом и Российской Федерацией, развитие образования, “проект российских университетов”, вьетнамские студенты в России, учеба – техника.

## **Hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự giữa Việt Nam và Liên bang Nga – Một số kinh nghiệm của Học viện Cảnh sát Nhân dân**

*Phùng Ngọc Hải, Vũ Thùy Linh*

*Khoa Kỹ thuật hình sự - Học viện Cảnh sát Nhân dân*

**Tóm tắt:** Việt Nam và Liên Xô trước đây, Liên bang Nga sau này luôn có mối quan hệ hữu nghị chiến lược, bền chặt, tin cậy và toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về an ninh, quốc phòng, giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự, Học viện Cảnh sát nhân dân là cầu nối cho sự hợp tác giữa lực lượng Công an nhân dân Việt Nam với các cơ quan thực thi pháp luật của Liên bang Nga. Nội dung bài viết tổng hợp đánh giá và đưa ra đề xuất nâng cao chất lượng mối quan hệ hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự giữa Việt Nam và Liên bang Nga trên cơ sở một số kinh nghiệm của Học viện Cảnh sát nhân dân.

**Từ khóa:** An ninh trật tự, Liên bang Nga, Việt Nam.



## Một số vấn đề về hợp tác đào tạo báo chí Việt Nam - Liên bang Nga

*Nguyễn Minh Tuấn*

*Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội*

**Tóm tắt:** Bài tham luận đề cập đến một số vấn đề liên quan đến hợp tác đào tạo nhân lực báo chí giữa Việt Nam – Liên bang Nga hiện nay. Bài tham luận có 3 phần chính: 1. Khái quát về lịch sử đào tạo báo chí cho sinh viên Việt Nam thời Liên Xô; 2. Vấn đề hợp tác tạo nhân lực Báo chí Việt - Nga hiện nay; 3. Một số kiến nghị cho nguồn nhân lực báo chí Việt Nam tại Liên bang Nga. Trong phần đầu, tác giả đưa ra đánh giá chung về đội ngũ những người làm báo chuyên nghiệp của Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô, và những đóng góp quan trọng của nguồn nhân lực này cho sự nghiệp báo chí cách mạng Việt Nam. Phần hai đưa ra số lượng sinh viên Việt Nam theo học ngành Báo chí – Truyền thông tại Nga giai đoạn hậu Xô Viết, đồng thời đánh giá về cơ hội việc làm và vai trò của lực lượng này đối với nền báo chí Việt Nam hiện nay. Theo đó, tác giả cho rằng, lực lượng những người làm báo Việt Nam được đào tạo tại Nga hiện nay tuy lớn gấp nhiều lần so với trước, song chưa có nhiều đóng góp đáng kể cho nền báo chí nói chung và vun đắp cho mối quan hệ Việt Nam – Liên bang Nga ngày nay. Phần cuối, tác giả đưa ra một số giải pháp kiến nghị nhằm khắc phục tình trạng trên, trong đó có việc tăng số lượng sinh viên Việt Nam học báo chí tại Nga, có cơ chế thu hút lực lượng này vào làm trong các cơ quan báo chí chính thống của Nhà nước, đồng thời cần tổ

chức các diễn đàn, hội nhóm quy tụ lực lượng báo chí này nhằm phục vụ tốt hơn cho nhiệm vụ thông tin, truyền thông về mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Liên bang Nga, cũng như giao lưu văn hóa, ngoại giao nhân dân giữa hai nước ngày càng phát triển.

**Từ khóa:** Đào tạo báo chí, truyền thông, nhân lực báo chí, Liên Xô, lưu học sinh Việt Nam, Liên bang Nga

### **Анализ качества высшего образования в России и других странах бывшего союза на основе оценки мнения вьетнамских студентов**

*До Хыонг Куен*

*Магистр, сотрудник компании IC Вьетнам*

**Аннотация:** Исследование посвящено актуальной проблеме исследования качества высшего образования в России на основе оценки вьетнамских студентов. В статье рассмотрены традиционные направления подготовки, такие как экономика, технические специальности, медицина, социальные науки, лингвистика и др. На основе анализа различных литературных источников и статистических данных автором предпринята попытка доказать высокое качество технического образования в России, а также им были обоснованы выводы о том, что знания полученные при обучении в той или иной мере помогают в дальнейшей жизни студента. Предпринята попытка сопоставить размер дохода с направлением подготовки обучающегося. Именно для этого автор провел социологический опрос на тему «Оценка качества образования в российских вузах». По результатам опроса были сделаны следующие выводы

относительно обучения в вузах: 1. Наиболее высокие оценки были оценены выпускниками из менее крупных городов, чем Москва и Санкт-Петербург, таких как Томск, Воронеж, Владивосток и др. 2. Выпускники по таким специальностям как строительство, медицина и технические науки отметили высокое качество знаний, которые преподают в их университетах. 3. Знания, которые значительно помогли в карьере в основном в сфере медицины, строительства, лингвистики и конечно технических наук. 4. По специальности работают студенты, которые обучались в сфере медицины, технической специальности и экономике, они и ставили наивысший балл оценки качества обучения. 5. Работающие по специальности строительство, технической сфере и экономики получают наиболее высокий доход, при этом по специальностям социальных и лингвистических наук получают менее 500\$. Подтверждена теория автора о сильном техническом образовании в России.

## **Các nhà Việt Nam học người Nga và những đóng góp của họ cho sự phát triển quan hệ hợp tác Nga – Việt**

*Lưu Thị Nam Hà, Trịnh Thị Kim Ngọc*

**Tóm tắt:** So với nhiều quốc gia, ngành Việt Nam học ở Nga vẫn được coi là một trong những trường phái mạnh nhất thế giới. Những tri thức về Việt Nam đầu tiên ở nước Nga được ghi nhận trong những nghiên cứu của nhà Đông Phương học Xô Viết nổi tiếng A.A. Guber ngay từ những thập niên đầu của thế kỷ XX. Tuy nhiên, Việt Nam học ở Nga được đánh dấu chính thức ra đời từ các luận án phó tiến sĩ của các nghiên cứu sinh Nga đầu tiên về 3 lĩnh vực: lịch sử Việt Nam (A.P. Shiltova, V.A. Zelenxov); về kinh tế Việt Nam (A.G. Mazaev, V.V. Mardvinov) và về ngữ văn học tiếng Việt (I.I. Glebova, V.V. Ivanov),

được thực hiện tại Viện Đông Phương học vào những năm 1951-1952. Đây chính là 3 lĩnh vực chủ đạo rất phát triển về sau này trong ngành Việt Nam học tại Liên Xô và Nga. Đặc biệt, ngay sau hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết vào tháng 6/1954, lớp sinh viên Nga đầu tiên được cử sang Hà Nội học tiếng Việt trong đó có nhà Việt Nam học nổi tiếng N.I.Nhikulin. Trải qua 70 năm, đã có hàng chục thế hệ các học giả người Nga với hàng trăm công trình nghiên cứu đồ sộ về lịch sử, kinh tế, quân sự Việt Nam và tiếng Việt, họ đã tạo dựng một nền tảng tri thức về Việt Nam cho cả các quốc gia châu Âu sử dụng ngôn ngữ Xlavơ và một trường phái Việt Nam học Nga vững mạnh. Những đóng góp to lớn của họ là đặc biệt có ý nghĩa trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ hợp tác Nga - Việt và tương trợ lẫn nhau trong 70 năm qua. Báo cáo toàn văn là tổng quan về các thế hệ những người Nga nghiên cứu về Việt Nam trong 70 năm qua và những đóng góp thông qua những công trình nghiên cứu cơ bản và đặc biệt có giá trị đối với sự hợp tác toàn diện và lâu dài giữa hai dân tộc Việt – Nga trong tương lai cho dù đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử.

*Từ khóa:* Việt Nam học, lịch sử Việt Nam, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, công cuộc Đổi mới.

### **Первый опыт вьетнамско-русского сотрудничества в составлении учебника для краткосрочного обучения русскому языку вне языковой среды.**

*Бу Тхе Кхой*

*Заслуженный учитель СРВ*

*Аннотация:* Насущная задача языковой подготовки вьетнамских абитуриентов в условиях послевоенного Вьетнама в конце 50-х – начале 60-х гг прошлого столетия для поступления на учебу в вузах СССР и отсутствие подходящих учебных пособий.

Первый практический опыт сотрудничества советского специалиста А. Колесникова и вьетнамских преподавателей русского языка в переработке составленных в советской стране «Уроков русского языка» в учебное пособие для ускоренного курса с целью прямого (без последующего года дополнительной языковой подготовки!) поступления на первый курс советских вузов. Успешное использование первого совместного вьетнамско-русского методического труда и последующие из него методические выводы для дальнейшей работы над пособиями для обучения вьетнамцев русскому языку ВНЕ языковой и культурной среды.

**Научное сотрудничество в области документирования языков и этнолингвистики при поддержке Российского гуманитарного научного фонда, Российского фонда фундаментальных исследований и Вьетнамской академии общественных наук**

*Краевская Н. М.,<sup>1</sup> Самарина И. В.<sup>2</sup>*

<sup>1</sup>*Международный институт – Вьетнамский государственный университет, Ханой*

<sup>2</sup>*Институт языкознания РАН, Москва*

**Аннотация:** Двухстороннее научное сотрудничество России и Социалистической Республики Вьетнам в сфере гуманитарных наук охватывает несколько десятилетий и восходит к многоаспектному сотрудничеству времен СССР. В нынешнем веке со стороны России оно стало поддерживаться специальными государственными научными фондами – Российским гуманитарным научным фондом (РГНФ, Russian Foundation for Humanities) и Российским фондом фундаментальных исследований (РФФИ, Russian Foundation for Basic Research). в

который РГНФ вошел в качестве Отделения гуманитарных и общественных наук в 2016 году. Оба фонда работают в тесном сотрудничестве с Вьетнамской академией общественных наук (ВАОН), предоставляя исследовательские гранты по совместным проектам в области истории, археологии, этнографии, экономики, философии, социологии, политологии, правоведения, науковедения, филологии, искусствоведения, комплексного изучения человека, психологии, педагогики, социальных проблем медицины и экологии человека.

Настоящий доклад посвящен сотрудничеству, поддержанному данными организациями, а именно проектам в сфере документирования языков (language documentation) и этнолингвистики, которые осуществлялись российскими учеными совместно с учеными из академических учреждений Вьетнама —Института языкознания (Institute of Linguistics) и Вьетнамского института лексикографии и словарей (Vietnam Institute of Lexicography and encyclopedia). Авторы рассматривают актуальность, цели и новизну исследований, посвященных языкам и народам Вьетнама, описывают совместные экспедиции, представляют результаты работы и делают выводы о значимости подобных исследований, как для многонационального Вьетнама, так и для развития лингвистики и смежных гуманитарных дисциплин.

## **Sự phát triển của cộng đồng du học sinh Việt Nam tại Trường Đại học Tổng hợp hữu nghị các dân tộc Nga**

*Trần Phi Long*

*Học viện An ninh Nhân dân*

**Tóm tắt:** Trường Đại học Tổng hợp hữu nghị các dân tộc Nga (RUDN University) là trường đại học đa ngành và có quy mô lớn tại Liên bang

Nga. Đây là trường có danh tiếng trên thế giới và là trường đại học thu hút lượng sinh viên quốc tế lớn nhất của Liên bang Nga. Trong quá trình hình thành và phát triển, Nhà trường đã và đang đào tạo hàng trăm du học sinh Việt Nam ở nhiều bậc học: tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, trao đổi thực tập sinh, dự bị ngôn ngữ. Cộng đồng du học sinh người Việt tại trường RUDN ngày càng gia tăng về số lượng và đang dạng về thành phần (cán bộ các cơ quan nhà nước, giáo viên các trường, viện nghiên cứu, công an, quân đội, sinh viên). Đồng thời, những du học sinh này sau khi tốt nghiệp cũng có nhiều đóng góp cho đất nước ở các lĩnh vực công tác khác nhau và có đóng góp nhất định cho hoạt động đối ngoại nhân dân, tăng cường tình hữu nghị Việt – Nga. Bài báo góp phần khái quát sự phát triển của cộng đồng du học sinh người Việt tại trường RUDN và những đóng góp của cộng đồng này góp phần xây dựng đất nước cũng như tăng cường tình hữu nghị Việt – Nga.

## **Nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực pháp luật giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ thực tiễn Bộ Công an**

*Nguyễn Thị Ngọc Yến, Phạm Đức Chính*

*Khoa Luật, Học viện An ninh Nhân dân*

**Tóm tắt:** Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga là mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Đặc biệt, quan hệ hợp tác giữa Bộ Công an Việt Nam với các cơ quan hữu quan, thực thi pháp luật của Liên bang Nga luôn được duy trì, phát triển và ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả trong nhiều hoạt động. Bài báo cáo này nghiên cứu mối quan hệ giữa hai quốc gia trong lĩnh vực pháp luật từ thực tiễn của Bộ Công an, thông qua đó đưa ra những phương hướng nhằm hoàn thiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả hợp tác giữa hai Bộ Công an Việt Nam với các cơ quan thực thi pháp luật Liên bang Nga nói riêng, và giữa hai đất nước nói chung.

*Từ khóa:* hợp tác, pháp luật, cơ quan thực thi pháp luật, Bộ Công an, Việt Nam, Liên bang Nga.

## **Đến với ẩm thực Việt bằng tiếng Nga qua mạng xã hội**

*Đinh Thị Thu Huyền,*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN*

**Tóm tắt:** Mặc dù thời điểm hiện nay ngành du lịch toàn cầu đang phải hứng chịu những khó khăn khôn lường do đại dịch Covid-19 gây nên, và theo nghiên cứu và tính toán của UNWTO rất có thể sẽ phải cần từ 2 đến 4 năm để lượng khách du lịch quốc tế đạt được các con số của năm 2019. Tuy nhiên, dù có thể nào thì vai trò của ngành công nghiệp không khói này trong nền kinh tế toàn cầu trong tương lai chắc chắn vẫn rất đáng kể. LB Nga khoảng gần 10 năm trở lại đây đã thực sự trở thành một trong số những thị trường hết sức tiềm năng của du lịch Việt. Năm 2019 Việt Nam đã thu hút lượng du khách Nga cao gấp 27 lần so với 14 năm trước đó. Dải đất hình chữ S hấp dẫn trong con mắt khách du lịch quốc tế, trong đó có du khách Nga, bởi nhiều yếu tố và trong số đó không thể không kể đến nền ẩm thực phong phú với 5 kỷ lục thế giới mới được công nhận trong tháng 8.2020. Việc xây dựng một trang mạng xã hội nhằm chuyển tải những thông tin đa dạng, thiết thực về nền ẩm thực Việt Nam đến với du khách Nga, thiết nghĩ, là một điều nên làm. Hơn thế nữa, đây hứa hẹn sẽ trở thành một sân chơi giúp sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường ĐHNH - ĐHQGHN thực hành tiếng Nga, vận dụng một cách sáng tạo những kiến thức được học trên giảng đường vào thực tế, tạo thêm động lực học tập cho các em. Những vấn đề liên quan đến trang ẩm thực Việt bằng tiếng Nga trên mạng xã hội được chúng tôi xem xét chi tiết trong báo cáo của mình.



## **Nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của lưu học sinh Bộ Công an Việt Nam tại các cơ sở giáo dục đào tạo Liên bang Nga**

*Wương Thăng Long*

*Khoa An ninh điều tra, Học viện An ninh Nhân dân*

**Tóm tắt:** Ngày nay, với sự đổi mới trong công tác đào tạo, sinh viên có thể tiếp thu lý luận và vận dụng chúng vào thực tiễn thông qua nhiều hình thức khác nhau, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây không chỉ là một trong những biện pháp hiệu quả mà còn là một kỹ năng cần thiết đối với sinh viên trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên có thể làm rõ, mở rộng vốn kiến thức và các kỹ năng của mình như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề... Sau thời gian dài bị gián đoạn, Bộ Công an Việt Nam đã cử học viên sang đào tạo hệ đại học tại Liên bang Nga vào năm 2000 và đào tạo tiến sỹ từ năm 2004. Những học viên, cán bộ được cử đi đào tạo đều là những con người xuất sắc, được tuyển chọn theo các tiêu chí rõ ràng. Được học tập trong một môi trường hiện đại, có tính thực tiễn cao, lưu học sinh Bộ Công an tại Liên bang Nga có nhiều cơ hội được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Việc nghiên cứu khoa học của lưu học sinh Bộ Công an tại Liên bang Nga có nhiều thuận lợi: học viên, cán bộ được tuyển chọn; môi trường học tập; đội ngũ giáo viên có trình độ, tận tình... Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi hoạt động nghiên cứu khoa học cũng gặp một số khó khăn nhất định: rào cản về ngôn ngữ; động lực nghiên cứu khoa học... Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, tác giả sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học của lưu học sinh Bộ Công an tại Liên bang Nga trong thời gian tới.

